



BÀI DỰ THI

HỘI THI TÌM HIỂU

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

Câu 1: Trình bày những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay và tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc như thế nào?

- 1.1. Những thay đổi về địa giới hành chính..... 2
- 1.2. Nguồn gốc của tên gọi Đồng Nai 6
 - 1.2.1. Danh xưng Đồng Nai trong ghi chép lịch sử
 - 1.2.2. Danh xưng Đồng Nai trong dân gian
 - 1.2.3. Danh xưng Đồng Nai qua nghiên cứu và lí giải

Câu 2: Cho biết những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975). Trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai; Anh (chị) sẽ làm gì để phát huy truyền thống cách mạng ấy?

- 2.1. Những chiến công tiêu biểu 13
 - 2.1.1. Trong kháng chiến chống Pháp
 - a. Trận tấn công đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hoà
 - b. Trận phục kích La Ngà
 - c. Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên và cách đánh đặc công
 - 2.1.2. Trong kháng chiến chống Mỹ
 - a. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp
 - b. Trận đầu diệt Mỹ tại Nhà Xanh (BIF)
 - c. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hoà
 - d. Trận đánh đặc công Tổng kho Long Bình
 - e. Chiến dịch Xuân Lộc
 - f. Tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh
- 2.2. Cảm nhận về truyền thống đấu tranh và những việc làm cụ thể để phát huy truyền thống ấy 51
 - 2.2.1. Cảm nhận về truyền thống đấu tranh của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai
 - 2.2.2. Những việc làm cụ thể để phát huy truyền thống ấy

PHỤ LỤC

- Tài liệu tham khảo..... 61

Câu 1: Trình bày những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay và tên gọi Đồng Nai có nguồn gốc như thế nào?

1.1. Những thay đổi về địa giới hành chính tỉnh Đồng Nai từ năm 1976 đến nay.

Đồng Nai – một vùng đất với hơn 300 năm lịch sử, trải qua nhiều thời kì và thay đổi, vùng đất với tên gọi thân thương Đồng Nai đã ngày càng trở nên xinh đẹp và mang lại cảm giác khó quên trong lòng người dân nơi đây. Với hơn 300 kể từ thời đất nước đang xảy ra giao tranh giữa vua Lê – chúa Trịnh và Chúa Nguyễn, mà lịch sử vẫn gọi là “thời kỳ Trịnh – Nguyễn phân tranh” , sau đó tiến hành khai phá vùng đất Đồng Nai (tức cả vùng Nam Bộ rộng lớn bấy giờ). Trải qua các thời kì Pháp thuộc, Mỹ thuộc và chính phủ Việt Nam Cộng Hoà, vùng đất này đã có nhiều biến đổi. Đến năm 1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam (Cộng hoà miền Nam Việt Nam) thành lập tỉnh Đồng Nai. Qua hơn 40 năm, địa giới hành chính Đồng Nai đã được thay đổi cụ thể như sau:

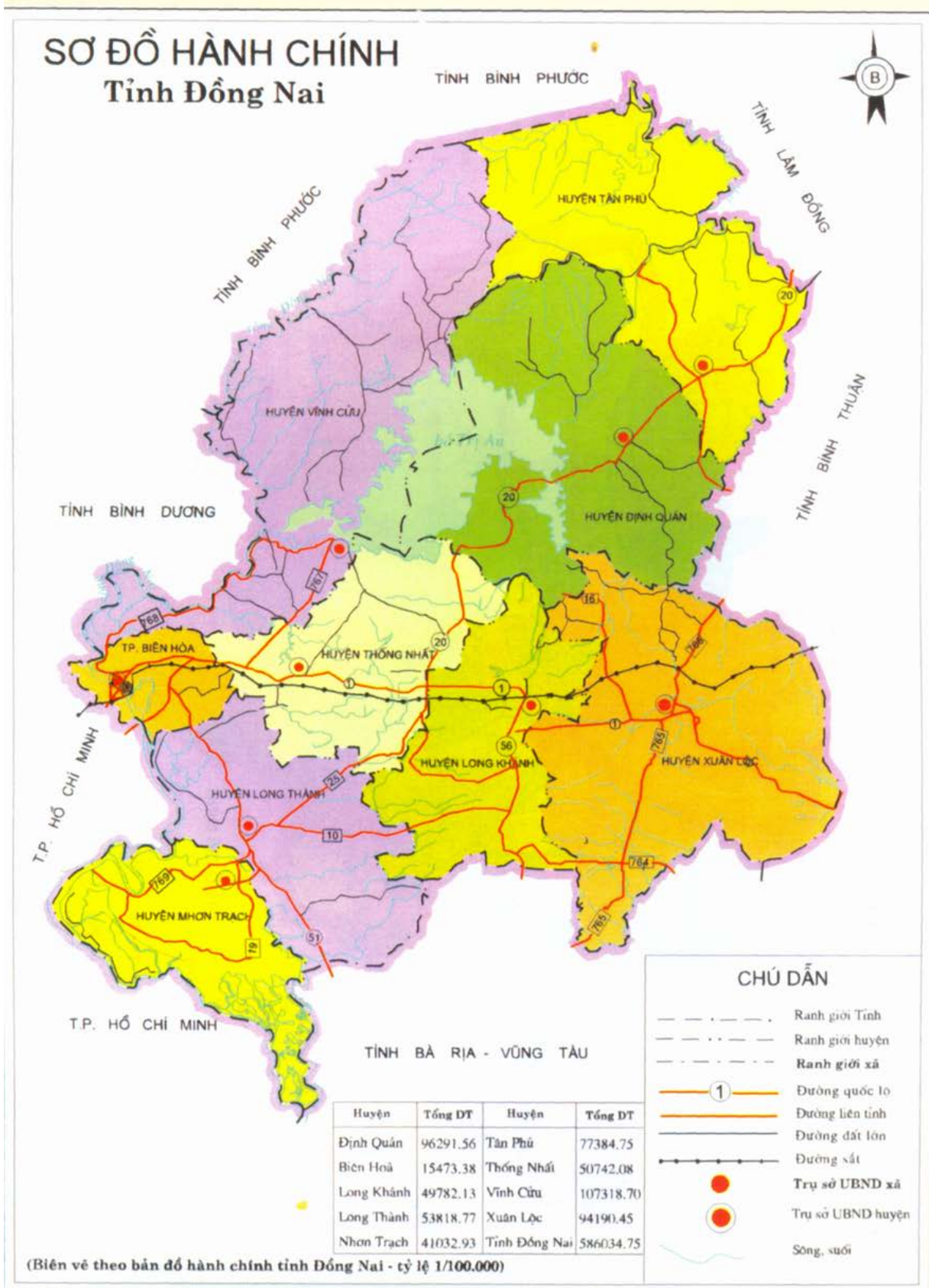
- Tháng 2 năm 1976, chính phủ Cộng hoà miền Nam Việt Nam thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở hợp nhất các tỉnh: Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú (hai huyện Tân Uyên và Phú Giáo của tỉnh Tân Phú cắt chuyển vào Sông Bé). Sau khi sáp nhập, tỉnh Đồng Nai gồm 11 đơn vị hành chính trực thuộc: thành phố Biên Hoà, thị xã Vũng Tàu và các huyện Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải và 1 quần đảo là Trường Sa. Toàn tỉnh có 154 phường, xã, thị trấn. Lúc bấy giờ, Đồng Nai giáp các tỉnh: Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Tây bắc giáp tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương), phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp Biển Đông (nay giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).
- Năm 1978, Sáp nhập các xã Hồ Nai 1 và Hồ Nai 2 của huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào thành phố Biên Hòa và chuyển các xã này thành các phường gọi là phường Hồ Nai 1 và phường Hồ Nai 2, thuộc thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 29 tháng 12, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, quyết định chuyển huyện Duyên Hải của tỉnh Đồng Nai nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh Đồng Nai còn 1 thành phố, 1 thị xã và 8 huyện, 1 quần đảo.
- Ngày 30 tháng 5 năm 1979, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quyết định tách thị xã Vũng Tàu và xã Long Sơn thuộc huyện Châu Thành khỏi địa phận tỉnh Đồng Nai thành lập Đặc khu Vũng Tàu –

- Côn Đảo. Tỉnh Đồng Nai còn 1 thành phố và 8 huyện, 1 quần đảo, gồm 141 phường, xã, thị trấn.
- Ngày 9 tháng 12 năm 1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 193, thành lập huyện Trường Sa (toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa – thuộc huyện Long Đất). Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố và 9 huyện. Từ tháng 12, huyện Trường Sa được Quốc hội chuyển nhập vào tỉnh Phú Khánh. Tỉnh Đồng Nai còn lại 1 thành phố và 8 huyện.
 - Ngày 23 tháng 12 năm 1985, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 284, thành lập Thị xã Vĩnh An trên cơ sở huyện Vĩnh Cửu và 2 Lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà của huyện Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện, gồm 147 phường, xã, thị trấn.
 - Ngày 10 tháng 4 năm 1991, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 107, chia huyện Xuân Lộc thành 2 huyện Long Khánh, Xuân Lộc; chia huyện Tân Phú thành 2 huyện Tân Phú, Định Quán.
 - Ngày 12 tháng 8 năm 1991, kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII ra nghị quyết chia tỉnh Đồng Nai thành 2 tỉnh Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quyết định cắt chuyển 3 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc của tỉnh Đồng Nai nhập vào tỉnh mới Bà Rịa – Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Vĩnh An và 6 huyện: Định Quán, Long Khánh, Long Thành, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc.
 - Năm 1993. Quyết định **219-TT** ngày 10 tháng 05 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận thành phố Biên Hòa là đô thị loại 2.
 - Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị định số 51, chia huyện Long Thành thành 2 huyện: Long Thành, Nhơn Trạch. Ngày 29 tháng 8 năm 1994, thành lập lại huyện Vĩnh Cửu trên cơ sở thị xã Vĩnh An. Cùng năm, điều chỉnh lại một số địa giới một số xã phường thuộc thành phố Biên Hoà và các huyện Long Khánh, Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Phú, Thống Nhất, Xuân Lộc, Định Quán.
 - Ngày 21 tháng 8 năm 2003, Nghị định số 97/2003/NĐ - CP ngày 21/8/2003 của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thành lập huyện Thống Nhất, Trảng Bom trên cơ sở chia tách huyện Thống Nhất trước đây, nâng huyện Long Khánh trở thành Thị xã Long

Khánh, thành lập huyện Cẩm Mỹ trên cơ sở một số xã của huyện Long Khánh và huyện Xuân Lộc.

- Ngày 5 tháng 2 năm 2010, Nghị quyết số **05/NQ-CP** ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Long Thành để mở rộng địa giới hành chính thành phố Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai.
- Năm 2014, **thị xã Long Khánh** và **huyện Xuân Lộc** được công nhận là 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn **Nông thôn mới** đầu tiên của cả nước.
- Ngày 30 tháng 12 năm 2015, **thành phố Biên Hòa** được công nhận là **đô thị loại 1** và **thị xã Long Khánh** là **đô thị loại 3** trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, kể từ đó đến nay tỉnh Đồng Nai đã trải qua nhiều lần thay đổi về địa giới hành chính với việc cắt chuyển một số địa bàn, tách và sáp nhập một số địa bàn. Hiện nay, tỉnh Đồng Nai gồm 11 đơn vị hành chính như sau: thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh và các huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu. Việc thay đổi địa giới hành chính nhiều lần như thế chứng tỏ vùng đất Đồng Nai luôn được Đảng và nhà nước chú trọng, do đó địa danh tỉnh, huyện, làng xã cũng có nhiều biến đổi và xáo trộn theo các sự kiện lịch sử. Hầu hết, những tên đất, tên làng, tên xã vẫn còn đó và mang một giá trị và ý nghĩa riêng, độc đáo.



H1. Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai. (hiện nay)

1.2. Nguồn gốc của tên gọi Đồng Nai

*“Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.”*

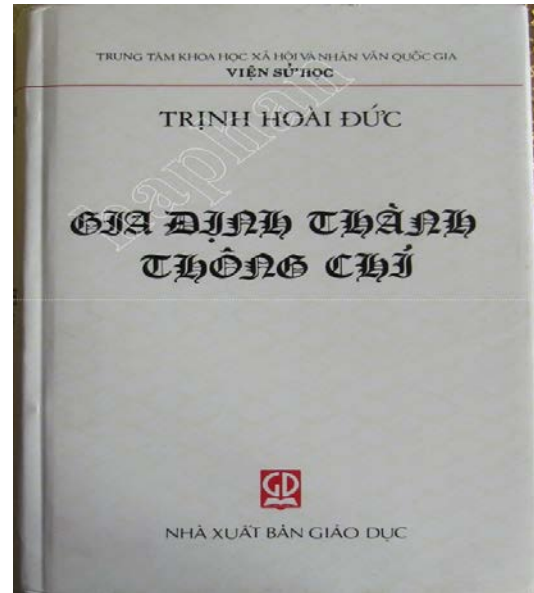
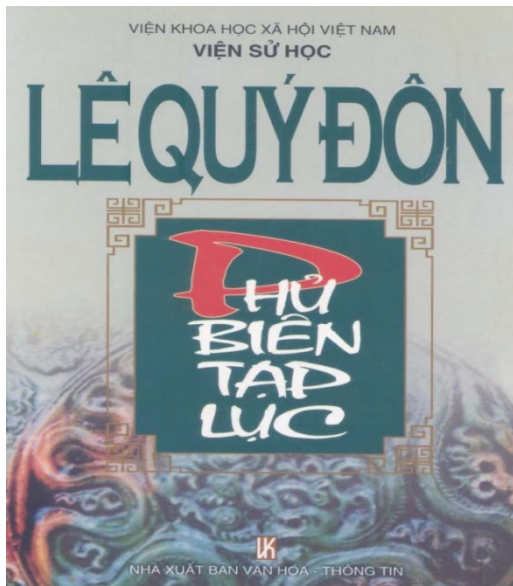
Đồng Nai – tên gọi không biết từ bao giờ đã xuất hiện trên các câu ca dao tục ngữ. Cho đến nay, các câu ca dao tục ngữ vẫn ít nhiều nhắc về danh xưng Đồng Nai. Thế nhưng, Đồng Nai – danh xưng này muốn nói có từ bao giờ, thì đến nay, các nhà nghiên cứu vẫn chưa có khảo chứng chính xác. Xét về mặt hành chính, tên gọi Đồng Nai được chính thức trở thành tên gọi đơn vị tỉnh bắt đầu vào năm 1976. Tỉnh Đồng Nai được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú. Kể từ đó cho đến nay, tỉnh Đồng Nai trải qua nhiều lần thay đổi địa giới nhưng tên gọi vẫn giữ nguyên. Có thể nói rằng, danh xưng Đồng Nai trải qua bao thời kỳ lịch sử đã trở thành tên gọi thân quen của bao thế hệ con dân xứ sở này khi nhắc về một vùng đất ở miền Đông Nam Bộ, về dòng sông dài nhất nước phát tích từ nội địa hay về một Hào khí Đồng Nai oai hùng, vẻ vang đã đi vào trong lịch sử của dân tộc.

1.2.1. Danh xưng Đồng Nai trong ghi chép lịch sử

Theo các sử sách xưa ghi chép, danh xưng Đồng Nai được dùng để chỉ một vùng đất.

Trong cuốn Phủ Biên tạp lục của Lê Quý Đôn có viết: *“Đất Đồng Nai từ cửa biển Cần Giờ, Soi Rạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu...toàn là rừng rậm hàng mấy vạn dặm...”*. Trịnh Hoài Đức trong tác phẩm khảo cứu Gia Định thành thông chí ghi chép rằng: *“Bà Rịa ở đầu trấn Biên Hòa, là đất có danh tiếng, nên các phủ phía Bắc có câu ngạn rằng: cơm Nai Rịa, cá Rí Rang, ấy là lấy xứ Đồng Nai và Bà Rịa đứng đầu mà bao gồm cả Bến Nghé, Sài Gòn, Mỹ Tho, Long Hồ vậy”*. Bộ tư liệu sử Đại Nam nhất thống chí quyển thượng tập thứ năm, của Quốc sử quán triều Nguyễn có nhiều chỗ đề cập Đồng Nai, như: *“chợ Lộc Dã ở phía Nam hạ lưu sông Phước Long, huyện Phước Chánh, nguyên xưa kia là cánh đồng hươu nai ở nên đặt tên ấy, hoặc gọi là Lộc Động, tục danh chợ Đồng Nai cũng là ở chỗ này. Xét sáu tỉnh Gia Định mà thông xưng là Đồng Nai vì khai thác chỗ Đồng Nai trước hết, nên cứ chỗ gốc cũng gồm đủ chỗ ngọn”*.

Những ghi chép trên và một số tư liệu trong sách sử khác thường được trích dẫn trong các công trình nghiên cứu giới thiệu về Đồng Nai sau này, bài viết này cũng không ngoài lệ đó.



H2. Các tác phẩm tham khảo

Thật vậy, trải qua hàng trăm năm lịch sử, Đồng Nai đã từng bước trưởng thành, mỗi ngày một phát triển, mỗi ngày càng văn minh. Đồng Nai đã ghi tên mình vào những trang lịch sử, danh xưng ấy, tên gọi ấy đã từ lâu được các nhà sử học ghi chép lại cách kĩ càng, từ đó dễ dàng nghiên cứu kĩ hơn về nguồn gốc của danh xưng Đồng Nai.

1.2.2. Danh xưng Đồng Nai trong dân gian

Mặc dù tên gọi Đồng Nai vẫn chưa được đưa ra khảo chứng chính xác. Nhưng tên gọi này dường như được quá quen thuộc trong dân gian và được mọi người hiểu theo nhiều chiều hướng. Dân gian quen giải thích về nguồn gốc của danh xưng Đồng Nai là “cánh đồng có nhiều nai” cùng với các tên gọi khác như: Hồ Nai, Đồng Hươu, Rạch Nai, Bàu Nau, Mũi Nai...

Đến nay, khi em hỏi lại các cụ đã sống lâu năm trên vùng đất này, các cụ chỉ trả lời: “Đồng là cánh đồng, Nai là con nai, Đồng Nai nghĩa là cánh đồng nhiều nai, tại ngày xưa vùng đất này có nai đầy con ạ”.

Trong dân gian, không rõ tự bao giờ tên gọi *Đồng Nai* đã được dùng để chỉ vùng đất khai phá trù phú, rộng lớn, không phân định rõ địa giới, gắn liền với con sông cùng tên gọi ở phương Nam. Khi nói về sản vật, Trịnh Hoài Đức đã sử dụng phương ngôn dân gian trong *Gia Định Thành thông chí*: *Cơm Nai Rịa*; *Cá Rí Rang* (cơm gạo thì ở Đồng Nai, Bà Rịa; cá ngon thì ở Phan Rí, Phan Rang). Người địa phương tự hào: *Gạo Cần Đước nước Đồng Nai*; *Nhất Đồng Nai nhì Hai huyện*. Có rất nhiều bài ca dao,

câu tục ngữ nói về danh xưng Đồng Nai, cho đến nay vẫn còn lưu truyền nhiều câu như:

Khi nói đến sự lịch lãm từng trải:

*“Làm trai cho đáng nên trai
Phú Xuân cũng trải Đồng Nai cũng từng.”*

Khi thề nguyện hứa hẹn, người ta đưa ra những biểu tượng bền vững:

*“Bao giờ cạn nước Đồng Nai
Nát chùa Thiên Mụ mới phai lời nguyện.”*

Vùng đất Đồng Nai mệnh mông, trù phú, là nơi mà hấp dẫn mọi người phương xa, rằng ai cũng nên từng đi, ai từng ở cũng muốn níu lại.

*“Nhà bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.”*

*“Đồng Nai gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về.”*

*“Đồng Nai gạo trắng như cò
Trốn cha trốn mẹ xuống đò theo anh.”*

*“Đồng Nai xứ sở lạ lùng
Dưới sông sáu lội, trên rừng cộp um.”*

*“Đồng Nai nước ngọt gió hiền
Biên Hùng muôn thuở đây miền an vui.”*

Lại có những câu hát vui:

*“Đồn rằng con gái Phú Yên
Đồng Nai đi cưới một thiên cá mè
Chẳng tin giỏ quả ra coi*

Rau răm ở dưới cá mè ở trên.”

*“Nồi đồng thì úp vung đồng
Con gái xứ Bắc lấy chồng Đồng nai.”*

*“Chị Hươu đi chợ Đồng Nai
Bước qua bến Nghé còn nhai thịt bò.”*

Những câu tục ngữ, những bài ca dao, đồng dao,... dường như trở thành khúc ca quen thuộc của người dân Đồng Nai. Chính em khi còn thuở nhỏ, đã được cha mẹ, thầy cô dạy rất nhiều bài ca dao, đồng dao rất quen thuộc, rất “Đồng Nai”, mà em vẫn nhớ mãi cho đến nay, câu ca dao “Nhà bè nước chảy chia hai, ai về gia đình Đồng Nai thì về” (ca dao) trong bài ca dao mà em được học hồi lớp 3 như mãi in vào trong tâm trí em, khiến em mãi nhớ về quê hương, vùng đất Đồng Nai độc đáo và muôn ngàn vẻ đẹp, dù còn đang phải xa quê để tiếp tục việc học tập.

Ca dao, tục ngữ,...Đó là cái nhìn của dân gian, là cách mà tiền nhân đã nghĩ về Đồng Nai, là sự yêu thương mà cha ông đã dành cho mảnh đất ấy, tên gọi Đồng Nai từ xưa đã đi vào tiềm thức con người ta với những ý nghĩa độc đáo. Vì vậy, có lẽ rằng danh xưng Đồng Nai từ rất lâu đã được sử dụng.

1.2.3. Danh xưng đồng nai qua nghiên cứu và lí giải

Để rõ hơn về danh xưng Đồng Nai, đến nay, nhiều nhà nghiên cứu, các sử gia cũng như các học giả vẫn không ngừng đưa ra các luận cứ luận điểm, hầu chứng minh về nguồn gốc của danh xưng Đồng Nai. Các nghiên cứu và lí giải ấy, đã trả lời được những câu hỏi và những cách hiểu mà cho đến nay, nhiều người dân Đồng Nai, kể cả em, dường như cũng đang hiểu là Đồng Nai chắc là cánh đồng hoặc một vùng đất có nhiều nai. Như vậy, cách hiểu này được các nhà nghiên cứu lí giải, cụ thể một vài nghiên cứu dưới đây.

Tác giả Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí*, hay *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn đề cập Đồng Nai: “Chợ Lộc Dã ở phía Nam hạ lưu sông Phước Long, huyện Phước Chính, vì trước kia là đồng nội lắm hươu nai, nên gọi tên thế, hoặc là Lộc Động, tục gọi chợ Đồng Nai - Xét sáu tỉnh Gia Định mà gọi chung là Đồng Nai, là vì lúc mới khai thác, bắt đầu từ Đồng Nai, nên lấy chỗ gốc mà bao trùm”.

Nhà nghiên cứu Trần Hiếu Thuận (bút danh Hoàng Thơ, đã mất) không đồng thuận cách lý giải Đồng Nai là cánh đồng có nhiều hươu nai, do ven sông Đồng Nai có đôi chỗ được gọi là đồng bằng nhưng đó chỉ là những trũng được phù sa sông bồi đắp thành đồng bằng nhỏ, không phải đồng ruộng bát ngát hay đồng cỏ mênh mông có nai ăn cỏ được. Từ cách tiếp cận riêng, tác giả cho rằng Đồng Nai bắt nguồn từ tên gọi của dòng sông Đạ Đờng của người Mạ qua sự chuyển dịch ngôn ngữ: “Đồng bào dân tộc Mạ - một cư dân quan trọng ở Đồng Nai - với địa bàn sinh sống của mình, trong đó có sông Đồng Nai. Họ đã gọi sông Đồng Nai là Đạ Đờng. Đạ là nơi xuất phát dòng nước, Đờng là sông. Từ Đạ Đờng có sớm nhất cũng 3.000 năm rồi. Và cách đây 300 năm, từ Đạ Đờng chuyển thành Đồng Nai. Thế có nghĩa từ Đờng chuyển âm thành Đồng, còn từ Đạ bỏ mất thêm chữ Nai: Đồng Nai...”. Cách lý giải này tương đồng với cách hiểu về Đồng Nai của nhà văn Bình Nguyên Lộc: “Riêng ở Biên Hòa thì toàn địa danh của người Mạ mà chúng tôi nghi là hậu duệ của Phù Nam. Tên Đồng Nai không phải là tên Việt Nam mà là tên của Mạ, họ gọi sông Đồng Nai là Đạ Đờng. Đạ là hình thức đầu tiên sẽ biến thành nước trong ngôn ngữ ta,

qua Nác ở Huế và Dak của người Mường. Mạ: Đạ; S'tiêng: Đá; Bana, Sôđăng, Mường: Đák; Việt Nam, Thừa Thiên: Nác; Việt Nam: Nước; Cao Miên: Túc. Đòng được biến thành Đồng... Như vậy, sông Đòng Nai là sông Đồng mà lưu vực có nhiều Nai”. Cách lý giải này đưa đến một cách hiểu khác hoàn toàn với cách miêu tả của Trịnh Hoài Đức, cụ thể: *Đòng Nai bắt nguồn từ con sông lớn có nhiều nai chứ không phải là cánh đòng có nhiều hươu nai.*

Thế kỷ XVIII, chữ Quốc ngữ xuất hiện trong các báo cáo của giáo hội Thiên Chúa giáo, các nhà nghiên cứu đã lưu ý đến cách phiên âm **Dounai**. Giáo sĩ người Pháp thì viết chữ con chữ i, créma. Giáo sĩ người Bồ thì viết con chữ u, grouppto. Về mặt chữ nghĩa, hai âm **Du** và **Nai** đã được khẳng định vào thế kỷ XVIII, sớm nhất là năm 1747. Về mặt ý nghĩa, các tác giả đều hiểu theo âm thuần Việt, nghĩa là *cánh đòng của những con nai*. Géniberi chuyển ngữ sang Pháp văn là: *La plaine aux cerfs*. Các nhà Hán học khi chuyển ngữ sang Hán văn là Lộc Dã, Lộc Động. Nông Nại là Minh âm, theo thổ ngữ Quảng Đông. Lê Trung Hoa cho rằng phụ âm đầu lưỡi **đ** có thể chuyển sang **n**, nhưng đó lại là quy luật của tiếng Việt. Người Trung Quốc không có phụ âm đầu lưỡi **đ**. Dù sao đây cũng chỉ là nhận thức của những con người ở thế kỷ XVIII về vùng đất mà chúng ta quan tâm.

Công trình *Địa chí Đòng Nai* đề cập nguồn gốc của địa danh Đòng Nai, đã lược kết những nguồn tư liệu, giả thuyết, lý giải của nhiều nhà nghiên cứu. Dẫn theo *Lược sử Công giáo Nam bộ (từ thế kỷ 16 đến 18)* của Trương Bá Cẩn, trong đó tư liệu viết năm 1701 và 1710 cho biết vùng Dou - Nai (Đòng Nai) ở giữa Cao Miên và Chiêm Thành là một vùng đồng bằng, đất tốt, khá rộng và dài, rừng rậm, cây to, nơi mà người Đàng Trong đến lập nghiệp từ 35 hay 40 năm nay. Như vậy, từ đầu thế kỷ 18, địa danh Đòng Nai đã được các nhà truyền giáo ghi chép từ tên gọi dân gian đã phổ biến trước đó vài chục năm.

Trong bài “nguồn gốc, ý nghĩa và quá trình phát triển của địa danh Đòng Nai của PTS Lê Trung Hoa trong hội thảo “300 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hoà – Đòng Nai (1698 – 1998) tại Đòng Nai cũng nêu ra: Địa danh Đòng Nai có lẽ ra đời vào gần thời điểm năm 1658, nhân sự kiện vua Nặc Ông Chân “xâm phạm biên cảnh”, quân chúa Nguyễn đã đánh vào Moi Xoai. (Địa điểm này được xác định như sau: Khi ấy địa đầu

Gia Định là Mỗi Xuy/ hay Mô Xoài và Đồng Nai/ Biên Hòa trấn đã có lưu dân Việt đến trú ngụ, sinh sống; Địa danh Đồng Nai xuất hiện bằng chữ quốc ngữ lần đầu tiên trong một báo cáo của Giáo hội Thiên Chúa giáo về tình hình giáo dân ở Nam Bộ năm 1747 với cách gọi là Dou-nai. Sau đó, địa danh Đồng Nai xuất hiện vừa bằng chữ Nôm vừa bằng chữ quốc ngữ vào năm 1772 trong **từ điển An Nam – La tinh** của Pigneau de Béhaine/Dictionariumannamico-latinum.

Trong công trình nghiên cứu “Cù Lao Phố, lịch sử và văn hoá” do Nhà bảo tàng Đồng Nai thực hiện, xuất bản năm 1988 cũng có đề cập đến địa danh Đồng Nai. Xuất phát từ người Mạ gọi tên một con sông là Đạ Đờng. Từ đó đưa ra giả định về từ “nai” trong tên sông Đồng Nai có bắt nguồn từ từ “ning” của người Mạ. Theo đó, Đồng Nai phải chăng gọi là “Đờng Ninh”. Một trích dẫn khác có nhắc đến từ “Đồng Nai Đại Phố”, danh xưng này thực ra không phổ biến mà nó được Trịnh Hoài Đức khi đi sứ qua cổng Đại Thanh “đã thấy sử Trung Quốc chép người Đồng Nai là người Nông Nại”.

Tác giả Sakaya trong công trình *Văn hóa Chăm - nghiên cứu và phê bình* đưa ra ý kiến sông Đồng Nai như một ranh giới tự nhiên giữa vương quốc Chăm-pa và Phù Nam. Địa danh Đồng Nai được nhắc đến với một số dữ liệu “Truyện cổ còn ghi lại vua Po Romé (trị vì từ năm 1627 đến 1651) là cư dân của làng Buyl ở Đồng Nai, nghĩa là một vùng núi mà có nhiều sắc dân không phải là người Chăm sinh sống”,... Đồng Nai là địa danh khá quen thuộc trong lịch sử Chăm-pa... hoặc “Địa danh Đồng Nai trong địa lý Chăm-pa được gọi là vùng Ndong Nai. Đây là “xứ sở thần linh” mà người Chăm gọi là “vùng đất thánh”.

Còn rất nhiều các công trình nghiên cứu khác đã và đang nghiên cứu về nguồn gốc danh xưng “Đồng Nai”. Việc chứng minh rõ ràng danh xưng “Đồng Nai” xuất hiện tự đâu và khi nào vẫn đang là thách thức lớn đối các nhà nghiên cứu.

Như vậy, trải qua bao biến thiên muôn màu của lịch sử, danh xưng Đồng Nai ngày nay đã trở thành tên gọi của đơn vị hành chính cấp tỉnh: tỉnh Đồng Nai ở miền Đông Nam Bộ, trong lòng Nam Bộ, trong lòng nước Việt mến yêu.

Cho đến nay, địa danh Đồng Nai đã chỉ ít nhất 8 đối tượng, tức là có 8 địa danh Đồng Nai: cánh đồng có nhiều nai, chợ ở hạ lưu sông Đồng Nai, vùng miền

Đông Nam bộ, sông Đồng Nai, vùng Nam bộ... Sau này, tên gọi Đồng Nai được dùng đặt tên khá nhiều trong nhiều trường hợp; thậm chí người Pháp trong thời kỳ quản lý ở Việt Nam đã thành lập tỉnh Đồng Nai Thượng. Tên gọi Đồng Nai Thượng hiện nay còn là tên đơn vị hành chính cấp xã của huyện Cát Tiên thuộc tỉnh Lâm Đồng. Hay tên gọi xã Đồng Nai ngày nay thuộc huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tên gọi Đồng Nai cũng được định danh cho một nền văn hóa ở Nam bộ hay phức hệ văn hóa của nền văn minh tiền sử mà ngày nay chúng ta được biết qua những kết quả nghiên cứu khảo cổ học: văn hóa Đồng Nai/văn minh lưu vực sông Đồng Nai.

Như vậy, địa danh Đồng Nai được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu từ trước đến nay. Các tác giả với những công trình, với cách nhìn từ nhiều góc độ đã góp phần bổ sung sự đa dạng nguồn dữ liệu trên nhiều phương diện liên quan địa danh Đồng Nai. Từ những nguồn tư liệu, cách lý giải, suy đoán của các nhà nghiên cứu cho thấy có nhiều điểm tương đồng song cũng có những ý kiến chưa thống nhất với nhau, đặt trong những bối cảnh lịch sử cụ thể. Danh xưng của một vùng đất, của một dòng sông, của một Hào khí oai hùng, của một phức hệ văn hóa...hàm chứa cái thiêng, hàm ẩn một sức sống mãnh liệt trong sự tồn tại của nó với bao điều lý thú và chắc chắn còn nhiều điều cần tìm hiểu thêm, chưa có hồi kết. Sự lý thú và hấp dẫn về một danh xưng Đồng Nai vẫn còn là một vấn đề mở cho những ai quan tâm đến nó.

Câu 2: Cho biết những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975). Trình bày cảm nhận của anh (chị) về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai; Anh (chị) sẽ làm gì để phát huy truyền thống cách mạng ấy?

2.1. Những chiến công tiêu biểu của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chống Mỹ (1954-1975).

*** Tình hình – bối cảnh**

Cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 thành công là một sự kiện lịch sử vĩ đại, mở ra bước ngoặt cho cách mạng Việt Nam. Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam trở thành một nước độc lập, nhân dân tự do. Với nhân dân Biên Hoà, không khí độc lập, tự do cuốn hút mọi người dân từ nông thôn, thị xã, đồn điền vào việc xây dựng cuộc sống mới.

Vào ngày 23/9/1945, tại nhà hội Bình Trước đã diễn ra sự kiện lịch sử quan trọng: Hội nghị đại biểu tỉnh Biên Hoà quyết định thành lập Tỉnh Ủy đầu tiên sau khi giành được chính quyền trong toàn tỉnh. Hội nghị cũng đã bầu Ban chấp hành Tỉnh ủy lâm thời gồm 11 đồng chí (bằng phiếu kín). Đây là một trong những sự kiện lịch sử trọng đại đánh dấu bước phát triển của Đảng bộ Biên Hoà trước khi bước vào thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhân dân khắp nơi trong tỉnh nhiệt liệt hưởng ứng các chủ trương của Đảng bộ đề ra, hết lòng ủng hộ chính quyền cách mạng còn non trẻ vượt gian khổ, chông gai bảo vệ những thành quả vừa giành được.

2.1.1. Những chiến công tiêu biểu trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

a. Trận tấn công đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hoà

Cuối tháng 10 năm 1945, được tăng viện, thực dân Pháp phá vỡ vòng vây quanh Sài Gòn.

Trước tình hình đó, Ủy ban Nhân dân tỉnh Biên Hoà quyết định chuyển các cơ quan lãnh đạo về Tân Uyên và các vùng ven thị xã như Bình Đa, Hố Cạn, xây dựng các căn cứ du kích để chiến đấu lâu dài đồng thời hạ lệnh ”tiêu thổ kháng chiến”, thực hiện “vườn không nhà trống”, bắt hợp tác với giặc Pháp. Công nhân cao su chặt phá cây, đốt lương thực, tháo gỡ máy móc ra khu kháng chiến, công nhân nhà máy gỗ BIF đã đốt các kho gỗ ván sàn, gỗ thành phẩm, tháo máy tiện, máy bào và nhiều thiết bị chuyển về Bình Đa. Nhân dân vùng ven thị xã được

Mặt trận Việt Minh vận động tự phóng lửa đốt nhà và một số đình chùa quyết không để giặc Pháp chiếm làm đồn bót.

Ngày 25 tháng 10 năm 1945, quân Anh - Ấn có xe thiết giáp mở đường vượt cầu Gành đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa rồi giao lại cho thực dân Pháp. Chúng rải quân chiếm giữ các đầu mối giao thông, các cơ quan, công sở, xây dựng bộ máy tay sai ở thị xã.

Đứng chân ở Biên Hòa lúc bấy giờ gồm có nhiều lực lượng vũ trang: Vệ Quốc đoàn Viên Hòa ở Tân Uyên, Vệ Quốc đoàn Châu Thành ở Thiện Tân, Vệ Quốc đoàn Long Thành, đội Xung phong cảm tử của Quốc gia Tự vệ cuộc ở Bình Thảo... Lực lượng vũ trang từ Sài Gòn rút về Biên Hòa gồm có Liên chi 2 – 3 Bình Xuyên ở Rừng Sác, Chi đội I Nam tiến, cùng lực lượng vũ trang Liên hiệp công đoàn ở An Lộc (Xuân Lộc) ... Mối quan hệ giữa các lực lượng này chưa chặt chẽ và thiếu chỉ huy thống nhất.

Sau Hội nghị Xứ ủy lâm thời Nam bộ ở Thiên Hộ (Mỹ Tho 25 – 10 – 1945), ngày 10 – 12, hội nghị Xứ ủy lâm thời Nam bộ mở rộng tổ chức ở Bình Hòa Nam (Chợ Lớn) kiểm điểm tình hình và bàn công tác tổ chức, lãnh đạo, chỉ huy.

Chấp hành lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hội nghị chia Nam bộ làm ba chiến khu 7, 8, 9. Khu 7 do Nguyễn Bình làm khu trưởng xây dựng căn cứ ở Lạc An (Tân Uyên).

Từ cuối tháng 10 năm 1945, khi đại bộ phận trại du kích Vĩnh Cửu chuyển về Tân Uyên, ở Biên Hòa, thực dân Pháp chỉ làm chủ được khu vực xã Bình Trước – trung tâm tỉnh lỵ. Các ấp ven như Lân Thành, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã vùng ven như Tân Vạn, Hiệp Hòa, Tam Hiệp... cán bộ, các đội tự vệ vẫn trụ lại hoạt động, đột nhập nội ô diệt tề trừ gian.

Tư lệnh khu 7 quyết định huy động lực lượng tổ chức trận tập kích vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Phân đội 4, phân đội 5 (Vệ Quốc đoàn Biên Hòa) được lệnh cải trang đột nhập nội ô nghiên cứu, vẽ sơ đồ các địa điểm đóng quân của địch, lên phương án tấn công. Lực lượng Vệ Quốc đoàn Biên Hòa (bộ đội Huỳnh Văn Nghệ), Vệ Quốc đoàn quận Châu Thành (bộ đội Lê Văn Ngọc), Liên quân Hóc Môn – Bà Điểm (bộ đội Tô Ký, Đào Sơn Tây), liên chi 2 – 3 bộ đội Bình Xuyên (Dương Văn Dương) cùng Tư lệnh khu 7 bàn bạc thông qua phương án và kế hoạch hợp đồng tác chiến.

Cuối tháng 12 năm 1945, các lực lượng vũ trang từ Tân Uyên, Gia Định, Rừng Sác bí mật điều quân áp sát tỉnh lỵ Biên Hòa trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa...

Đêm 1 rạng sáng ngày 2 tháng 1 năm 1946, các lực lượng vũ trang đồng loạt tấn công vào thành Sắn Đá, các công sở như Tòa bố, bưu điện, nhà ga, đốt cháy nhà thông tin và các đồn địch ở đầu cầu Gành... Thực dân Pháp hoàn toàn bất ngờ. Bọn Việt gian tay sai vừa mới ra mặt đều trốn chạy.

Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu cụ thể nào, nhưng trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ lại gây một tiếng vang chính trị rất lớn. “Tiếng súng Biên Hòa” đập tan lời tuyên truyền huênh hoang của thực dân là Việt Minh đã bị tiêu diệt. Thu hút nhân dân vùng địch tạm chiếm, hội tụ về Biên Hòa, chiến khu Đ để tham gia kháng chiến.

b. Trận phục kích La Ngà.

La Ngà với địa hình quanh co, khúc khuỷu, men sườn núi có nhiều đoạn dốc kéo dài và cao 10-15 độ. Phía Tây có rừng bạt ngàn, xung quanh không có nhà dân, cầu La Ngà đã được sửa chữa, sông La Ngà ít nước. La Ngà được chọn là địa điểm thích hợp cho chiến dịch phục kích quân địch.

Tuyến phục kích kéo dài 9 km (cây số 104 đến 113) chia làm 3 trận địa: A - trận địa chặn đầu, C - trận địa khóa đuôi, B - trận địa ở giữa. Khi chưa nghe lệnh tấn công bằng mìn ở trận địa A, không được hành động mà phải tuyệt đối giữ bí mật để đoàn xe địch lọt hết vào trận địa phục kích. Không được bắn vào các xe ca đi trong đoàn để không gây thiệt hại cho hành khách.

Cách đánh là bí mật, bất ngờ, xung phong mãnh liệt, giải quyết nhanh trận địa, tích cực truy kích địch kết hợp kêu gọi đầu hàng.

Kế hoạch khắc phục máy bay địch lên phản kích gồm hai điểm:

- Trung đội 5 của đại đội B phối hợp cùng dân quân quận Châu Thành và Xuân Lộc chặt cây cho ngã ra đường, tổ chức bắn tỉa quấy rối địch đoạn từ Hố Nai lên Dầu Giây. Mục đích là làm đoàn xe địch phải chậm mất từ 2 – 3 giờ, buộc chúng vào trận địa khoảng 15 giờ trở đi vì giờ đó có nhiều sương mù, máy bay khó phát huy tác dụng. Mặc khác, hoạt động bắn tỉa, quấy rối... sẽ làm cho binh lính địch mệt mỏi, tinh thần căng thẳng, sức chiến đấu sẽ giảm.

- Đặt một tổ nghi binh ở phía đông đường 20 (ta phục kích ở phía tây). Khi có hiệu lệnh tấn công, tổ nghi binh sẽ đốt nhiều đốt nhiều đồng lúa dưới các tán cây rừng rậm rạp nhằm thu hút máy bay địch lên chi viện.

Trong quá trình chuẩn bị trận đánh, Huỳnh Văn Nghệ được đề bạt làm Khu bộ phó khu 7, nhưng vẫn kiêm chi đội trưởng chi đội 10 Biên Hòa. Đồng chí Nguyễn Văn Lung – chi đội phó trực tiếp chỉ huy tổ chức trận đánh giao thông.

Ngày 26 tháng 2 năm 1948, đơn vị hành quân bí mật từ chiến khu Đ về trận địa tây quốc lộ 20 cách căn cứ 80 km. Ngày 29 tháng 2, toàn lực lượng chiếm lĩnh trận địa chiến đấu, Binh công xưởng chi đội bố trí địa lôi ở 3 trận địa A, B, C, bên trên nguy trang bằng những đồng phân voi. Tại sở chỉ huy, Ban chỉ huy nhận được điện của Khu bộ phó Huỳnh Văn Nghệ: Trận phục kích giao thông được mang tên Dương Văn Dương để kỷ niệm 2 năm ngày mất của ông – nguyên là Khu bộ phó Khu 7.



H3. Anh Hùng Huỳnh Văn Nghệ



H4. Huỳnh Văn Nghệ và Chính uỷ Phan Trọng Tuệ tại sở chỉ huy khu 7

Trận đánh diễn ra đúng như kế hoạch của Ban chỉ huy chi đội. Lúc 15 giờ 2 phút, quả địa lôi ở mặt trận A nổ, chiếc xe bọc thép đi đầu bị phá hủy. Từ phía tây lộ 20, lực lượng ta xung phong ra đường tấn công địch quyết liệt, 15 giờ 27 phút,

địa lôi trận địa C nổ, cả đoàn xe địch bị giam vào trong trận địa, chỉ còn lại hơn 10 chiếc hoảng sợ rút chạy ngược về hướng cầu La Ngà. Trên cả ba mặt trận, chi đội 10, liên quân 17 dũng mãnh xung phong. Địch Hoàn toàn bất ngờ, chống trả yếu ớt.

Gần 1 tiếng đồng hồ, trận đánh kết thúc, ta phá hủy 59 xe quân sự của địch, diệt 150 binh lính hộ tống, 25 tên sĩ quan chỉ huy, hậu cần, tham mưu đi dự hội nghị quân chính, bắt sống trung úy Joeffrey chỉ huy đại đội hộ tống. Trong 25 sĩ quan chết có: Đại tá De séigné chỉ huy bán lữ đoàn Lê Dương thứ 13, đại tá Paruit phó tham mưu trưởng thứ nhất quân đội Pháp ở Nam Đông Dương; thiếu tá chỉ huy phân khu quân sự Hóc Môn; đại úy Jean Couvreur trưởng phòng xe hơi.

Trong số 270 tù hàng binh và hành khách, có nhiều người và binh lính bị thương và người già, sức yếu, trẻ em sau khi được săn sóc, giải thích rõ chủ trương chính sách của Mặt trận Việt Minh, ta phóng thích tại chỗ. Số còn lại được đưa về căn cứ tập kết ở Suối Cát, gồm nhiều thành phần: trí thức, nữ tu, người buôn bán, hầu hết đều ở Sài Gòn. Tất cả được chia xẻ khẩu phần ăn đạm bạc của bộ đội. Trời mờ sáng, tất cả hành khách được hướng dẫn ra quốc lộ 20 để về Sài Gòn. Riêng Trung úy Joeffrey được điều trị vết thương gãy chân và trao trả sau này.

Toàn bộ lực lượng ta cấp tốc hành quân trở về chiến khu Đ, kịp thời phối hợp cùng các đơn vị tại chỗ tổ chức đánh địch bẻ gãy trận càn của 4.000 quân Pháp vào căn cứ.



H5. Xác xe quân Pháp bị hỏng nặng trong trận La Ngà

Chiến thắng La Ngà là thắng lợi lớn diệt gọn đoàn xe quân sự địch, bắt sống tù binh, gây ảnh hưởng tốt, có tiếng vang trong nước và thế giới.

Đây là trận đánh giao thông giành thắng lợi lớn về quân sự. Qua báo chí và lời kể của hành khách đi theo đoàn xe, nhân dân vùng tạm chiếm hiểu được chính nghĩa của cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, không dễ dàng bị lừa bịp bởi các luận điệu tuyên truyền của thực dân và tay sai. Nhiều sĩ quan, binh lính Pháp trước tinh thần nhân đạo cách mạng của bộ đội, nhận thức được tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược mà họ bị bắt buộc tiến hành. Không ít người sau này thoát ly theo Việt Minh kháng chiến và chống chiến tranh xâm lược của Pháp. Sau chiến thắng La Ngà, nhiều thanh niên trong vùng tạm chiếm tình nguyện ra chiến khu, bà con vùng tạm chiếm vận động nhau mua lương thực, thuốc men, chuyển ra ủng hộ kháng chiến.

Để kỷ niệm sự kiện lịch sử chiến thắng La Ngà, năm 1998 Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đồng Nai đã quy hoạch, bảo tồn, xây dựng một tượng đài chiến thắng ngay tại cao điểm 100, bên tả ngạn sông La Ngà, nơi diễn ra trận giao tranh ác liệt giữa ta và địch; tượng cao 15,5m, đặt trên bục 2,5m trong khuôn viên rộng hơn 5 hecta. Tượng đài sừng sững, hiên ngang giữa bầu trời xanh lồng gió hắt bóng xuống dòng La Ngà tĩnh lặng, êm trôi như nhắc nhở thế hệ hôm nay khắc ghi công lao của thế hệ cha ông.



H6. Tượng đài kỷ niệm chiến thắng La Ngà

c. Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên và khai sinh cách đánh đặc công

Cuối năm 1947, thực dân Pháp mở cuộc hành quân lớn tấn công căn cứ Việt Bắc và bị thất bại thảm hại. Thất bại ở Việt Bắc đánh dấu sự phá sản chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, buộc chúng phải chuyển hướng chiến lược sang “đánh lâu dài”, lấy chiến trường Nam bộ thực hiện chiến lược bình định “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

Ở miền Đông Nam bộ, một mặt thực dân tăng cường xây dựng lực lượng thân binh (partisan), sử dụng lực lượng giáo phái chống lại kháng chiến; mặt khác tăng cường bảo vệ giao thông, bảo vệ các cơ sở kinh tế (các đồn điền cao su); đánh mạnh các khu căn cứ, du kích, thực hiện gom dân và phong tỏa kinh tế kháng chiến.

Tướng De Latour (Đờ La tua) tư lệnh quân viên chinh Pháp ở Nam bộ chọn miền Đông làm trọng điểm bình định, thực hiện chiến lược “vét dầu loang”, bằng cách xây dựng đồn bót dày đặc dọc theo các lộ giao thông huyết mạch, được gọi là chiến thuật “điểm và đường” hay chiến thuật De Latour. Địch xây dựng hệ thống tháp canh nhằm bảo vệ các đường giao thông và vùng kinh tế quan trọng và đồng thời lấn sâu vào vùng căn cứ và du kích kháng chiến. Tháp canh được xây dựng bằng gạch hoặc đá, tường dày từ 0,6 đến 0,8 mét, độ cao từ 8 đến 10 mét (nếu là tháp nhỏ), từ 12 đến 12 mét (tháp lớn). Tháp canh được bố trí nhiều tầng (tầng ngủ, tầng canh gác...) xung quanh có các lỗ châu mai, trang bị súng trọng liên, phóng lựu, lựu đạn, do một tiểu đội canh giữ. Mỗi tháp canh cách nhau 1 km, có nơi chỉ cách 300 đến 500 mét. Về sau, địch đắp thêm lũy đất dày xung quanh 4 tường tháp canh, xung quanh có hàng rào tre, hàng rào kẽm gai có gài mìn, lựu đạn, địa hình phát trộm, có hệ thống đèn soi sáng... Nhờ vào chiều cao của tháp canh, tầm quan sát của địch xa và rộng, không chế các đường giao thông gây cho ta nhiều khó khăn.

Để đánh phá âm mưu bình định của Pháp, nhiệm vụ phá hệ thống tháp canh cấp thiết và khó khăn, bởi thực tế chiến trường bấy giờ ở miền Đông chưa có loại vũ khí đủ uy lực công phá được tường tháp dày.

Những ngày đầu năm 1948, khi địch xây dựng tháp canh, du kích huyện Tân Uyên, huyện căn cứ, được cơ sở nhân dân giúp đỡ, hóa trang nắm chắc lượng địch ở tháp canh cầu Bà Kiên (đường 16) và quy luật sinh hoạt hàng ngày của địch để du kích có thể tiếp cận tháp đánh địch. Đồng chí Trần Công An, trợ lý tác chiến huyện đội tìm cách huấn luyện để du kích có thể tiếp cận tháp canh đánh địch.

Đêm 18, rạng 19 tháng 3 năm 1948, du kích Tân Uyên sử dụng 8 quả lựu đạn (1 quả lựu đạn OF Mỹ, 7 quả lựu đạn tự tạo) chia làm hai tổ, một tổ chặn viện và một tổ trực tiếp đánh tháp canh gồm Hồ Văn Lung, Trần Văn Nguyên và Trần Công An chỉ huy. Cả 3 đồng chí bơi một lớp bùn ngụy trang vượt qua lớp rào bên ngoài, dùng thang áp vào tường tháp, leo lên ném lựu đạn vào cả 3 tầng của tháp, tiêu diệt mười một tên lính.

Trận tấn công tháp canh đầu tiên ở cầu Bà Kiên có tác động lớn. Nhưng ngày sau trận đánh, thực dân Pháp rút kinh nghiệm tăng cường phòng thủ tháp canh vững chắc hơn. Một số địa phương như Thủ Dầu Một, Bà Rịa, ... đã thực nghiệm dùng “hỏa công”, “thủy công”, vũ trang kết hợp tấn công binh vận bọn địch trong tháp canh nhưng không hiệu quả.

Tháng 11 năm 1949, trước yêu cầu phải phá vỡ hệ thống tháp canh, Bộ tư lệnh Quân khu 7 mở hội nghị chuyên đề về đánh tháp canh tại xã Tân Hòa - chiến khu Đ. Trong hội nghị, kinh nghiệm đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên được chú ý. Hội nghị kết luận hai vấn đề để có thể đánh được tháp canh: một là phải tiếp cận được tường tháp (tức vấn đề kỹ thuật) và phải có loại vũ khí sức công phá mạnh tường tháp.



H7. Bia tưởng niệm chiến thắng tháp canh cầu Bà Kiên (nay thuộc xã Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, Bình Dương)

Từ kinh nghiệm trận đánh cầu Bà Kiên, hội nghị kết luận, kẻ địch trong tháp canh luôn luôn có sơ hở. Để phát hiện được sơ hở của địch phải dựa vào quần chúng, thực hiện trinh sát, nắm chắc địch từ tổ chức lực lượng, bố phòng, thông thạo địa hình và giới nguy trang. Chiến sĩ trinh sát phải vững vàng, dũng cảm, gan dạ và linh hoạt. Phải sản xuất được loại vũ khí vừa dễ mang theo, vừa có thể áp sát tường và có sức công phá lớn.

Kết luận của hội nghị quân sự khu 7 đặt cơ sở lý luận đầu tiên cho cách đánh mới. Bộ Tư lệnh Khu 7 giao nhiệm vụ cho tỉnh đội Biên Hòa và Binh công xưởng Khu (nòng cốt là xưởng quân giới trung đoàn 310 trước đây) chịu trách nhiệm huấn luyện cách đánh và chế tạo loại vũ khí đánh tháp canh phù hợp.

Cuối năm 1949, lớp huấn luyện cách đánh tháp canh tổ chức tại Bà Đã (chiến khu Đ). Đội du kích Tân Uyên đánh tháp canh cầu Bà Kiên làm đội mẫu dưới sự hướng dẫn huấn luyện của Bùi Cát Vũ và Trần Công An. Ba trăm cán bộ, chiến sĩ tham gia lớp huấn luyện, gồm bộ đội địa phương Biên Hòa, Tân Uyên, liên trung đoàn 310 – 301, các tiểu đoàn chủ lực khu 302, 304.

Cách huấn luyện là xây dựng mô hình tháp canh có quy mô tương đương của Pháp. Học viên được huấn luyện kỹ thuật hóa trang, vượt chướng ngại vật, khắc phục ánh sáng, đối phó khi địch từ tháp canh ném lựu đạn xuống... tổ chức thực tập kết hợp xây dựng lý thuyết, rút kinh nghiệm bổ sung hoàn chỉnh lý thuyết và kỹ thuật.

Song song công tác huấn luyện kỹ thuật, Bùi Cát Vũ – giám đốc binh công xưởng cùng tập thể cán bộ, chiến sĩ quân giới nghiên cứu chế tạo một loại trái phá có khả năng phá tường dày, đặt tên là FT (phá tường). Từng bước cải tiến, dựa vào nguyên lý chế tạo đạn lõm tạo thành quả mìn lõm FT gọn nhẹ đánh bằng kíp nổ điện.

Đêm 22 – 3 rạng sáng 23 – 3 – 1950, trận đánh đồng loạt đầu tiên vào tháp canh dọc các trục lộ diễn ra, 300 chiến sĩ chia làm 50 tổ tấn công cùng lúc 50 tháp canh của địch. Theo chỉ đạo, quả mìn FT được gắn vào đầu sào cây tầm vông và áp vào tường tháp canh ở độ cao từ 2 mét trở lên tính từ chân tường. Cách đánh này, vừa bảo vệ bí mật, vừa gây cho địch hoang mang hơn vì chúng sẽ lầm tưởng ta đã có vũ khí bắn thẳng từ xa hạ tường tháp.

Năm mươi tháp canh của giặc Pháp đều bị đánh thủng. Trên 70 tên lính trong tháp canh bị chết, ta thu nhiều súng các loại.

Trận đánh vào 50 tháp canh ở Biên Hòa làm dao động tinh thần binh lính Pháp, nguy, nhất là số canh giữ tháp. Đích thân tướng Chanson chỉ huy quân viễn chinh Pháp ngày 24 – 3 lên Biên Hòa xem xét, một mặt trấn an tinh thần binh sĩ, mặt khác chỉ đạo việc tăng cường phòng thủ tháp canh.

Sau trận đánh được Bộ tổng Tư lệnh quân đội nhân dân Việt Nam gửi điện khen ngợi vì sáng tạo cách đánh mới. Cách đánh tháp canh mới này được gọi là “công đồn đặc biệt” gọi tắt là “đặc công”. Chiến sĩ đánh tháp canh được gọi là chiến sĩ đặc công.

Binh công xưởng tiếp tục nghiên cứu chế tạo khối nổ không có miêng sắt thương gọi là pê – ta (Pétard) dùng để đánh bồi vào lỗ thủng do mìn FT tạo ra. Sức công phá của pê ta từ bên trong sẽ có khả năng đánh sập tháp canh.

Đêm 18 – 4 – 1950, tổ đặc công Tân Uyên do Trần Công An chỉ huy với vũ khí FT và pê ta đánh sập hoàn toàn tháp canh cầu Bà Kiên lần thứ hai, diệt toàn bộ lính địch canh gác. Đêm 24 – 4 – 1950, tổ đặc công huyện Tân Uyên phá hủy hoàn toàn tháp canh Vàm Giá (xã Phước Vĩnh) trên quốc lộ 14. Diệt một trung đội lê dương Pháp.



H8. Cố anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đại tá Trần Công An (chỉ huy trận đánh đặc công)

Tháng 5 – 1950, trên cơ sở kinh nghiệm đánh tháp và phát triển lực lượng, Tân Uyên xây dựng một đại đội đặc công gồm 162 chiến sĩ được Tỉnh ủy Biên Hòa đặt tên là đại đội Nguyễn Văn Nghĩa. Hội nghị tổng kết chiến tranh năm 1950, Bộ Tư lệnh Nam bộ công nhận đại đội Nguyễn Văn Nghĩa do Trần Công An làm đại đội trưởng là đại đội đặc công đầu tiên ở Nam bộ.

Từ kinh nghiệm đánh tháp ở Biên Hòa, kỹ thuật đặc công đã phát triển rộng trong toàn khu miền Đông, góp phần làm thất bại hoàn toàn chiến thuật De Latour (Đờ La tua) của thực dân Pháp.

Chiến dịch Bến Cát do khu 7 mở (tháng 10 và 11 – 1950), lần đầu tiên chiến sĩ đặc công Huỳnh Văn Rỡ tiểu đoàn 302 bí mật đột nhập bót Rạch Kiến dùng pê ta phá hủy khẩu pháo 155 ly, mở ra khả năng dùng đặc công đánh sâu vào hậu cứ địch, đặc biệt là mũi nhọn xung kích mở đường cho bộ binh diệt địch. Các trận đánh của đặc công sau đó như trận Bùng Binh (Thủ Dầu Một), chi khu quân sự Trảng Bom (7 – 1951) ... càng thể hiện vai trò mũi nhọn của cách đánh đặc công.

Từ năm 1952, theo chỉ đạo của Trung ương cục miền Nam, Bộ tư lệnh phân liên khu miền Đông cử các đoàn cán bộ đặc công về khu 8, khu 9 (Tây Nam Bộ), ra khu 6, khu 5 (cực nam Trung bộ và trung bộ), mở lớp huấn luyện kỹ thuật đặc công. Đến tháng 9 – 1953, kỹ thuật đặc công được phổ biến ra chiến trường miền Bắc.

Cách đánh đặc công là cách đánh mới, một kỹ thuật tác chiến độc đáo sáng tạo của quân dân Biên Hòa. Từ Biên Hòa, cách đánh đặc công được nhân rộng ra cả nước, là tiền đề để đặc công tiếp tục phát triển, hoàn thiện và trở thành binh chủng đặc biệt tinh nhuệ của quân đội nhân dân Việt Nam.

Ý nghĩa: Cuộc kháng chiến chống Pháp, cụ thể với những chiến công tiêu biểu trên của quân dân Biên Hòa – Đồng Nai đã góp phần to lớn vào cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cuộc kháng chiến đã tạo ra làn sóng vang dội trong chiến tranh chống thực dân, làm tiêu hao sinh lực và ý chí chiến đấu của Pháp. Góp phần cho các cuộc chiến đấu chống Pháp giành thắng lợi.

2.1.2. Những chiến công tiêu biểu trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)

* Tình hình và bối cảnh

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ buộc chính phủ Pháp ký Hiệp định Giơ – ne – vơ ngày 20 – 7 - 1954. Đất nước ta tạm chia làm hai miền: lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, miền Nam tạm thời đặt dưới quyền quản lý của đối phương. Hai năm sau (1956) sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Thế nhưng đế quốc Mỹ đã âm mưu thôn tính miền Nam, thôn tính Đông Dương nhằm ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, tiền đồn của Mỹ ở Đông Nam Á. Chúng đào tạo và đã đưa Ngô Đình Diệm về Việt Nam thiết lập bộ máy thống trị từ trung ương đến địa phương, làm tay sai đắc lực cho đế quốc Mỹ.

Ngày 7 tháng 7 năm 1956, Ngô Đình Diệm chính thức lên nắm quyền tổng thống, công khai tuyên bố: “không tổ chức tổng tuyển cử”, đẩy mạnh chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”.

Thời kỳ 1954 – 1956 Đảng bộ Biên Hòa kiên toàn củng cố được hệ thống cơ sở Đảng, xây dựng được mạng lưới cơ sở cách mạng trong công nhân, nông dân và trí thức. Từ đội quân chính trị đông đảo này, Đảng phát động phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ với khẩu hiệu trung tâm là đòi các quyền lợi dân sinh dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử.

a. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp

Tháng 7 năm 1956, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá khốc liệt nhằm đàn áp phong trào và tiêu diệt cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng. Chúng dùng lực lượng chủ lực kết hợp với bọn bảo an dân vệ, công an cảnh sát chà đi xát lại hầu hết các xã ấp ở Biên Hòa, tập trung là các đồn điền cao su, các vùng căn cứ kháng chiến ở Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Long Thành... Nhiều cán bộ, đảng viên của tỉnh Biên Hòa sa vào tay giặc. Hàng trăm cán bộ, đảng viên và quần chúng cơ sở khắp các huyện thị ở Biên Hòa bị bắt bớ, tù đày.

Nhà tù Tân Hiệp mà chế độ Mỹ - Diệm gọi là “Trung tâm huấn chỉnh Biên Hòa” có diện tích 3.600 m² nằm cạnh quốc lộ 1 đối diện Bệnh viện tâm thần Biên Hòa, cách trung tâm thị xã Biên Hòa 2 km về phía Đông. Đây là một trong sáu nhà tù lớn của địch ở miền Nam nước ta lúc bấy giờ. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ - Diệm đã bắt hàng ngàn cán bộ đảng viên, đồng bào yêu nước khắp miền Nam

giam giữ tại đây. Đến thời điểm tháng 12 năm 1956 nhà tù Tân Hiệp dịch giam 1.872 người trong đó có nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước.



H9. Nhà lao (trung tâm cải huấn) Tân Hiệp xưa



H10. Nhà lao Tân Hiệp và di tích “nơi diễn ra cuộc nổi dậy phá nhà lao Tân Hiệp (p. Tân Tiến, tp Biên Hoà, Đồng Nai)

Trước những hành động khủng bố, tàn sát ngày càng trắng trợn của Mỹ - Diệm, thực lực cách mạng ngày càng tổn thất nghiêm trọng. Không ảo tưởng trong

cuộc “đấu tranh chính trị đơn thuần” đối với kẻ thù ngày càng lộ rõ bộ mặt phát xít, từ giữa năm 1956, Đảng ủy nhà tù Tân Hiệp (Biên Hòa) chủ trương tổ chức phá khám trở về với cách mạng, với nhân dân.

Chiều chủ nhật, nhà tù Tân Hiệp vẫn trong không khí bình lặng như mọi ngày. Sinh hoạt của tù nhân vẫn diễn ra theo giờ giấc qui định của trại. Sau buổi cơm chiều, đúng 17 giờ 30 đài phát thanh Sài Gòn phát chương trình cổ nhạc. Anh chị em tù nhân tập trung ngồi trước cửa trại vừa nghe nhạc vừa đợi giờ vào trại. Một số anh em còn lảng vảng quanh sân, gần cột cờ và các bót gác.

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều ở trong tư thế sẵn sàng. Các tổ chiến đấu áp sát những mục tiêu đã được phân công.

Đúng như phương án tác chiến giờ đôi gác là lúc địch có nhiều sơ hở. Ngày chủ nhật cũng là thời điểm mà binh lính có nhiều chênh mảng hơn ngày thường. Chính tháp canh xung quanh trại giam theo qui định phải có 3 lính gác thường trực, gác công 3 người, cộng tất cả là 30. Nhưng thực tế cuộc giao ca gác vào buổi chiều ngày chủ nhật này mỗi tháp chỉ còn một lính canh. Kho vũ khí có khoảng 9 – 10 tên lính, hết phiên trực đã nộp súng đạn vào kho và ngồi tán gẫu. Toàn bộ lính trực trong thời điểm này chỉ còn 12 tên. Số còn lại đều về với gia đình ở trại C hoặc la cà trong các hàng quán.

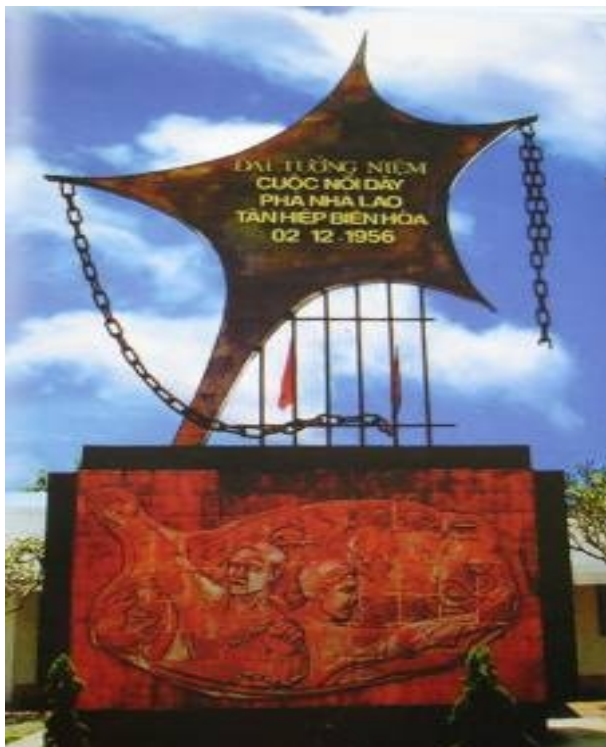
17 giờ 50 phút, sau tiếng keng báo tù nhân vào trại thì tiếng hô “xung phong” vang dậy khắp nơi. Xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến mục tiêu. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Tư Tăng, Cội, Mìn, Nhàn, Sỏi, Còn Lém... xông thẳng vào kho vũ khí bắt trói trưởng toán gác lấy toàn bộ vũ khí. Bọn lính kẻ bên hốt hoảng bỏ chạy tán loạn. Cùng lúc đó một tổ xông thẳng đến nhà tên giám đốc Tính. Vợ hắn la hoảng, tên công an tài xế chạy đến ứng cứu bị anh em ta đánh gục. Một bộ phận xung kích xông thẳng vào trại giam bắt trói tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an và cắt dây điện thoại.

Trước làn đạn xối xả của địch, số anh chị em ta chạy ra sau trúng đạn gần 30 đồng chí vừa hy sinh, vừa bị thương nằm trước cổng trại, bên ngoài sân banh và ven bờ suối.

Cuộc nổi dậy phá khám nổ ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 số tù nhân còn lại bị địch gom vào các trại, binh lính canh giữ nghiêm ngặt.

Sau khi thoát khỏi trại giam, đoàn vượt ngục chia làm nhiều cánh để tìm về căn cứ. Mặc dầu địch tăng cường lực lượng truy đuổi, phục kích bố ráp gắt gao, nhưng không một ai nản lòng, có 462 đồng chí thoát được trở về tới căn cứ.

Gần 500 cán bộ, đảng viên với 41 khẩu súng các loại thu được là nguồn bổ sung vô giá cho phong trào vũ trang Đồng khởi ở miền Nam.



Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ nòng cốt của Đảng về với cách mạng và cướp được số lượng vũ khí nhiều nhất.

H11. Bia tưởng niệm cuộc nổi dậy phá nhà lao Tân Hiệp (P. Tân Tiến, Biên Hòa – Đồng Nai)



H12. Đồng chí Nguyễn Văn Thông, nguyên bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, một trong những chiến sĩ xung kích cướp kho súng, vượt ngục Tân Hiệp ngày 2-12-1956.

b. Trận đầu diệt Mỹ tại Nhà Xanh (BIF)

Sau những chiến dịch khủng bố ác liệt của Mỹ - ngụy, lực lượng cách mạng bị tổn thất nghiêm trọng. Phong trào bị chìm trong máu và nước mắt. Trước tình

hình đó, số cán bộ, đảng viên còn lại và quần chúng cách mạng muốn cầm ngay vũ khí đánh trả quân thù.

Tháng 5 năm 1959, Mỹ - Diệm ban hành luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam gây nhiều tội ác với đồng bào ta, hành hình cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Thế nhưng, Mỹ - Diệm càng điên cuồng khủng bố dã man thì lòng căm thù của nhân dân ta đối với bọn chúng càng cao, ý chí cách mạng càng thêm kiên định.

Để ngăn chặn những hành động tội ác của giặc mà bọn đầu sỏ chỉ huy là bè lũ cố vấn Mỹ, ban lãnh đạo Liên tỉnh ủy miền Đông quyết định tổ chức lực lượng tập kích vào trụ sở phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) đóng tại nhà máy cưa BIF thị xã Biên Hòa. Văn phòng nhà máy cưa BIF trở thành cư xá chuyên gia Mỹ trong phái đoàn MAAG đang làm nhiệm vụ cố vấn huấn luyện cho sư đoàn 7 ngụy ở Biên Hòa.

Ngày 7 tháng 7 khoảng 19 giờ, nhá nhem tối, phân đội vũ trang cải trang thành toán lính đi tuần tới Gò Me men theo bờ ruộng tiến thẳng vào mục tiêu. Tín hiệu của cơ sở cho thấy mọi bí mật vẫn hoàn toàn đảm bảo. Bên trong cư xá, sáu cố vấn Mỹ đang chăm chú xem bộ phim “Cái áo rách” do diễn viên Kanne Grain đóng, chiếu bằng một máy chiếu nhỏ ngay ở trong phòng khách tầng trệt. Bọn lính đến đổi phiên gác. Đồng chí Nguyễn Thành Long, tự vệ mật, nguyên là thợ sửa chữa điện ở tiệm Minh Tuyên (chợ Biên Hòa) kịp thời nổ súng diệt tên lính gác cổng. Một số tự vệ mật khác cũng nhanh chóng chặn kho súng, cho nổ thủ pháo ở khu nhà tên sĩ quan chỉ huy và dãy nhà lính, làm nhiệm vụ kèm chân địch, không cho chúng phản công đánh vào sau lưng các chiến sĩ vũ trang. Các chiến sĩ vũ trang nhanh chóng theo lối cổng phụ tiến vào áp sát cư xá. Hai đồng chí bí mật nấp sau cửa sổ chĩa súng vào bên trong sẵn sàng nổ đạn. Hai chiến sĩ khác ém sát sau tấm rèm che cửa phòng ăn. Riêng đồng chí Huệ và đồng chí Sắc mang mìn theo lối cửa hông (lối xuống bếp) lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim. Đưa mìn vào đặt sẵn bên trong. Nhưng ngay lúc đó, đèn trong phòng bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã hết, trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim. Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa phát lệnh nổ súng ngay. Máy loạt tiểu liên từ phía hai cửa sổ bắn chéo vào phòng. Thiếu tá B.Buis và trung sĩ C. Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Cùng lúc, đồng chí Huệ ôm quả mìn bước lên bậc tam cấp cửa hông thì đụng phải tên bồi bàn hốt hoảng lao xuống. Một lính Mỹ nhảy xuống trườn qua phòng bên để tắt đèn. Không để cho bọn Mỹ kịp phản ứng, nhận rõ thời cơ diệt địch, đồng chí Huệ dũng cảm chấp nhận hy sinh. Anh hô to: “châm điện”. Đồng chí Sắc ở phía

sau chập mạnh hai đầu dây vào khối pin. Một quầng lửa chớp sáng lòa kèm theo một tiếng nổ mạnh làm rung chuyển mạnh cả một khu vực cư xá. Hệ thống đèn phụt tắt. Đồng chí Nguyễn Văn Huệ anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương. Bốn đồng chí còn lại xông thẳng vào nhà quét vài loạt đạn và nhanh chóng diu đồng chí Sắc rút ra ngoài.

Trận đánh diễn ra chưa đầy 15 phút. Địch không kịp trở tay, kể cả số lính bảo vệ nằm sát cư xá. Theo phương án, 5 đồng chí còn lại trong đội vũ trang vượt rào, sân banh, ra lộ 15 hướng suối Săng Máu, rút về chiến khu an toàn. Tự vệ mật Thị ủy Biên Hòa nhanh chóng tản về các nơi, giấu vũ khí, thay đổi trang phục.



H13. Di tích lịch sử Nhà Xanh – nơi diễn ra trận đánh Mỹ đầu tiên ở miền Nam

Một tiếng đồng hồ sau trận đánh, bọn địch các nơi mới đến được khu cư xá Mỹ. Bọn quân cảnh, cảnh sát Sài Gòn cũng cấp tốc kéo về Biên Hòa phối hợp truy lùng. Suốt đêm lính địch nhón nháo khắp nơi nhưng chẳng phát hiện được gì ngoài một số vết tích nghi trang còn lưu lại.

Thế là sau mấy tháng trời âm thầm chuẩn bị với bao công sức của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân miền Đông, trực tiếp là đơn vị đặc công C250 và Đảng bộ nhân dân thị xã Biên Hòa, trận tập kích địch vào cư xá phái đoàn cố vấn Mỹ ở BIF (Nhà Xanh) hoàn thành thắng lợi.

Trận đánh phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ tại Nhà Xanh (BIF) là trận đánh Mỹ đầu tiên của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

c. Trận đánh đầu tiên vào sân bay Biên Hoà

Tháng 9 năm 1964, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đẩy mạnh tiến công và nổi dậy: tiến lên giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới.

Trước tình hình mới, khả năng đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh, đưa quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Thực hiện chỉ thị của Trung ương Cục và Khu ủy miền Đông, Tỉnh ủy Biên Hòa tập trung chỉ đạo việc phát triển lực lượng, chuẩn bị nhân tài, vật lực để đánh Mỹ trên mọi mặt trận, mọi lúc.

Từ tháng 10 năm 1964, phối hợp với các lực lượng trinh sát Miền, Tỉnh ủy, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo kết hợp điều nghiên địa hình, bố phòng sân bay Biên Hòa và chuẩn bị trận địa cho lực lượng pháo binh Miền và quân khu tấn công địch.

23 giờ 30 đêm 31 tháng 10 năm 1964, pháo cối ta bắt đầu cấp tập bắn vào sân bay. Từng cụm lửa bốc cháy sáng rực cả một góc trời. Cả thị xã Biên Hòa và các vùng phụ cận rung lên vì những tiếng nổ long trời lở đất. Chỉ trong vòng 15 phút gần 130 quả đạn cối rơi gọn và chính xác xuống các mục tiêu, phá hủy 59 máy bay, trong đó có 21 máy bay B57, loại máy bay tối tân của Mỹ lúc bấy giờ mới đưa từ Philipin chuẩn bị gây tội ác ở miền Bắc, 11 máy bay AD6, 1 máy bay do thám (U2), diệt và làm bị thương 253 tên địch, thiêu hủy và nổ tung hoàn toàn 2 kho đạn lớn, 1 kho xăng, 1 đài quan sát và 18 căn trại lính. Địch không kịp phản ứng, ta rút về căn cứ an toàn.



H14. Sân bay Biên Hoà bị tấn công

Chiến thắng tại sân bay Biên Hòa làm nức lòng quân dân cả nước. Lực lượng pháo binh Miền được tặng thưởng Huân chương quân công hạng nhất, huân chương cao nhất lần đầu tiên được tặng thưởng ở miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

d. Trận đánh đặc công Tổng kho Long Bình

Từ năm 1965, khi đưa quân viễn chinh Mỹ tham chiến tại miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã cho xây dựng ở Biên Hòa nhiều căn cứ quân sự, kho tàng lớn để phục vụ cho bộ máy chiến tranh xâm lược như: Sân bay Biên Hòa, Nha Cảnh sát miền Đông, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3, Tổng kho hậu cần chiến lược Long Bình...

Trong đó, Tổng kho Long Bình được chính quyền Mỹ - Diệm xây dựng từ giữa năm 1965 với mục đích phục vụ cho cuộc chiến ở Việt Nam nói riêng và khu vực Đông Dương nói chung khi cần thiết.

Tổng kho Long Bình diện tích khoảng 24 km², nằm cách Sài Gòn về phía đông 20 km, thành phố Biên Hòa 7 km. Trong tổng kho Long Bình có Bộ tư lệnh dã chiến II Mỹ, Bộ tư lệnh hậu cần số 1 của Mỹ, đồng thời là kho bom, đạn lớn của Mỹ ở miền Nam Việt Nam được xây dựng từ giữa năm 1965. Lực lượng Mỹ - Ngụy thường xuyên có 2.000 tên.

Theo các tài liệu thống kê, lượng đạn dược được chuyển đến Việt Nam trung bình khoảng 40.000 tấn/tháng trong năm 1966; năm 1967, số lượng đã tăng lên gần gấp đôi đạt 75.000 tấn/tháng. Đến đầu năm 1968 số lượng vận chuyển đã tăng lên đến 90.000 tấn/tháng, đến giữa năm 1968 số lượng đã vượt quá 100.000 tấn/tháng.



H15. Tổng kho Long Bình (chia nhiều khu và có hàng rào)

Ngoài ra, để phục vụ đầy đủ cho một đội quân nhà nghề "được trang bị tới tận răng" như quân đội Mỹ thì còn nhiều thứ quân trang, quân dụng, phương tiện chiến tranh, như máy bay, xe tăng, pháo cối... cùng với khí tài vật tư dự trữ phục

vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang bị cho đến lương thực thực phẩm, quân trang quân dụng, đồ dùng sinh hoạt... của mỗi người lính còn cao gấp nhiều lần con số đó.

Tổng kho địch tổ chức phòng thủ chặt chẽ, bao bọc xung quanh từ 7 đến 12 lớp rào kết hợp gai mìn trái. Các lô cốt tiền duyên cách nhau 30 – 40 mét nằm cách lớp rào cuối cùng từ 40 – 50 mét. Bên trong có nhiều tuyến hào nối các lô cốt, đường đi, lối lại ngang dọc, hai bên đường đều rải hàng rào kẽm gai. Toàn bộ phần bên trong kho gần như không có cây xanh lớn, chỉ có loại cỏ Mỹ mà lá sắc như dao. Đảm nhiệm công tác bảo vệ kho thường xuyên là 2.000 sĩ quan, binh lính. Ngoài ra, còn một số đơn vị chiến đấu cũng có doanh trại trong khuôn viên kho nhưng được ngăn cách đặc biệt với kho hàng.



H16. Tổng kho Long Bình nhìn gần



H17. Quân lương và vũ khí kho Long Bình

Hai khu quan trọng trong Tổng kho là kho đòi 50 và 53 có 18 dãy nhà kho với khoảng 200 gian chia làm 3 khu. Trong đó mỗi khu có 6 dãy. Mỗi dãy cách nhau 60 m. Nhà kho được thiết kế, xây dựng theo hình khối chữ nhật (30m x 25m x 5,5m), có cửa bằng thép, khóa sắt; xung quanh có những ụ đất dày 4 đến 5 m. Đây là hai kho chứa vũ khí chủ yếu là bom và đạn pháo và nhiên liệu.

Đẻ ra vào tổng kho có 12 công mở theo nhiều hướng khác nhau với hệ thống đường sá rất hiện đại. Hàng ngày có hàng ngàn chuyến xe trọng tải lớn ra vào song không bao giờ có hiện tượng ùn tắc xảy ra.

Với khối lượng hàng hóa tàng trữ trong kho lên đến hàng chục triệu tấn, Tổng kho Long Bình trở thành kho dự trữ chiến lược lớn nhất ngoài nước Mỹ của quân đội Hoa Kỳ và được quản lý bằng máy tính IBM 360/50 - một trong những hệ thống máy tính hiện đại nhất thời đó.

Năm 1965, Thường vụ Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập tỉnh Biên Hòa U1 và giao nhiệm vụ đánh hậu cứ Sân bay Biên Hòa, Tổng kho liên hợp Long Bình; đồng thời tổ chức đánh bình định nông thôn tạo thế đứng chân cho lực lượng vũ trang đánh vào thành thị, hậu cứ địch.

Ngày 22 – 6 – 1966, 6 chiến sĩ đặc công chia làm 3 tổ: Tổ 1 do Nguyễn Tấn Vàng tổ trưởng, tổ 2 do Nguyễn Văn Thái tổ trưởng, tổ 3 do Bùi Văn Hòa tổ trưởng, vượt rào và chướng ngại vật tiếp cận khu kho đòi 53 đặt mìn có gắn kíp nổ hẹn giờ bằng đồng hồ.

Sáng 23 – 6, khu kho đòi 53 bắt đầu nổ, toàn bộ khu kho trùm trong khói lửa. Các phương tiện cứu hỏa của địch đều bất lực. Trận đánh gây thiệt hại nặng cho địch, hủy diệt 40.000 quả đạn pháo các loại của Mỹ.

Đây là trận tiến công đầu tiên của đặc công Biên Hòa vào tổng kho Long Bình, mở đầu cho hàng loạt trận đánh sau này. Trận đánh giành thắng lợi lớn và được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng III và 4 huân chương chiến công giải phóng.

Đẻ phối hợp với chiến trường chung, đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô của đế quốc Mỹ (1965 – 1966; 1967 - 1968), Tỉnh đội Biên Hòa U1 chỉ đạo đặc công tỉnh liên tục tiến công vào kho Long Bình. Phương châm đánh là táo bạo, chắc, đánh bồi, phá hủy bom đạn, phương tiện chiến tranh của địch. Cuối năm 1966, đặc công U1 đã bí mật tiến công 3 lần (các tháng 10, 11, 12) vào tổng kho Long Bình, hủy diệt 353.000 đạn pháo và các loại bom của địch. Loạt trận đánh này thể hiện sự dũng cảm, mưu trí, sáng tạo và quyết tâm cao của

đặc công U1, được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công hạng II.

Đêm 3 – 2 – 1967, đặc công U1 lại đột nhập khu kho đồi 53 đặt mìn hẹn giờ. Bốn mươi dãy kho bị nổ tung với 800.000 quả đạn pháo các loại. Một tổ đặc công U1 từ chốt Bình Trị, Hóa An đột nhập vào sân bay quân sự Biên Hòa đặt mìn làm nổ tung kho chứa nhiên liệu, đốt cháy 10 triệu lít xăng dầu.

Kết quả, trong trận đánh này đặc công U1 Biên Hòa đã phá hủy khoảng 250 tấn bom, đạn các loại; diệt 250 tên lính Mỹ cùng nhiều kho tàng phương tiện chiến tranh. Trận đánh của đặc công U1 và quân dân Biên Hòa đã giáng một đòn choáng váng vào quân xâm lược Mỹ, sau đó địch phải bỏ dở 3 cuộc càn quét lớn vì đã mất một số vũ khí, đạn phục vụ cho các trận càn.

Ngay sau trận đánh, Bác Hồ đã gửi điện khen ngợi quyết tâm đánh Mỹ của đặc công U1 và quân dân Biên Hòa. Trên báo Nhân dân (số ra ngày 29/10/1966) cũng đã có bài viết ca ngợi chiến thắng Long Bình là trận “chiến táo bạo, tài tình, đánh thủng dạ dày của Mỹ”.



H18. Tổng kho Long Bình bị đánh phá

Các trận đánh tổng kho Long Bình được diễn ra thành nhiều đợt khác nhau, từng đợt đánh đều gây tổn thất nặng nề cho quân Mỹ.

Ngày 13/8/1972, đoàn đặc công 113 đánh khu kho 53 Long Bình. Tham gia trận đánh có 57 chiến sĩ chia làm ba mũi đột nhập đặt 108 khối thuốc nổ hẹn giờ. Vào lúc 04 giờ sáng ngày 14/8/1972, các khối thuốc nổ đồng loạt nổ tung, phá huỷ 200 kho, 17 dãy nhà, thiêu huỷ 15.000 tấn bom đạn, xăng dầu và làm chết hơn 300 tên địch.

Ngày 14/12/1972, chiến sĩ đặc công 113 đột nhập vào bãi đỗ xe ở cao điểm 50 của Tổng kho Long Bình, giã 61 quả mìn tiêu huỷ gần 200 xe quân sự của địch.



H19. Tổng kho Long Bình bị đặc công U1 tấn công

e. Chiến dịch Xuân Lộc giải phóng Long Khánh – mở “cánh cửa thép” cuối cùng của Sài Gòn

Cuộc tiến công chiến lược để giải phóng miền Nam được khởi đầu bằng trận đột phá Buôn Ma Thuật ngày 4 tháng 3 năm 1975 trong chiến dịch Tây Nguyên. Chưa đầy một tháng với sức tiến công ”Thần tốc” ta đã quét sạch địch từ Quảng Trị đến Phan Rang.

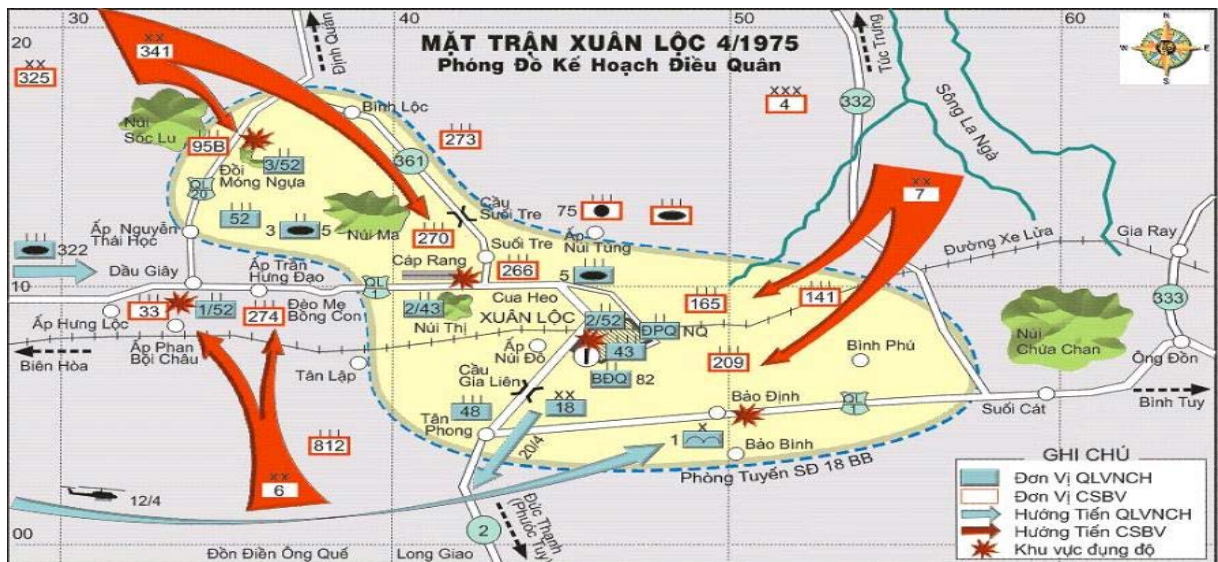
Trước tình thế nguy ngập ngày 28 tháng 3 năm 1975 Uây En, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ vội vã cùng với Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân ngụy ra Xuân lộc khảo sát chiến trường, hình thành “Bức tường thép Xuân Lộc” – phòng tuyến số một nằm trong 3 hướng phòng ngự trọng yếu của Sài Gòn. Chuẩn tướng Lê Minh Đảo tư lệnh sư đoàn 18 và đại tá Phạm Văn Phúc tỉnh trưởng Long Khánh được giao nhiệm vụ “Tử thủ” Xuân Lộc.



H20. Tướng Lê Minh Đảo tại chiến trường Xuân Lộc

Ngày 31 tháng 3 năm 1975 tại thủ đô Hà Nội, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và quyết định: “*Nắm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ chắc thắng, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất. Tốt nhất là trong tháng 4 năm 1975 không thể để chậm*”.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Xuân Lộc đập tan tuyến phòng thủ của địch ở phía đông Sài Gòn.



H21. Mặt trận chiến trường Xuân Lộc

Sở chỉ huy quân đoàn 4 đặt tại bắc sông La Ngà – sở chỉ huy tiền phương đặt tại ấp Bảo Vinh. Ngày 4 tháng 4 – 1975 nhiệm vụ tác chiến của từng đơn vị được triển khai. Sư đoàn bộ binh số 7 tăng cường 12 xe tăng (T59) 3 khẩu pháo 85 ly

(bắn thẳng) 2 khẩu cối 160 ly, 12 khẩu cao xạ (37 – 57 ly) có pháo của quân đoàn chi viện đánh chiếm hậu cứ sư đoàn 18. Sư đoàn bộ binh 341 từ hướng bắc đánh chiếm ty cảnh sát, khu cố vấn Mỹ, dinh tỉnh trưởng (toàn bộ các mục tiêu trung tâm thị xã). Sư đoàn bộ binh số 6 (quân khu 7) có nhiệm vụ tiêu diệt địch từ ấp Hưng Lộc đến đèo Mẹ bồng con - chặn đánh địch chi viện từ phía Biên Hòa.

Tiểu đoàn 445 tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, đại đội 41, đại đội 34 (huyện Châu Đức) đại đội 207 huyện Cao su, K8 huyện Xuân lộc, đội biệt động, đội trinh sát vũ trang Long Khánh... phối hợp, căng kéo chia cắt địch, dẫn đường cho bộ đội chủ lực ... tiến công phía nam Xuân Lộc

Tại sở chỉ huy quân đoàn ngày N – 1 (8 – 4) các sư đoàn chủ lực đã tập kết cách thị xã Long Khánh từ 4 đến 10 km. Đêm mùng 8 – 4 – 1975, xe pháo của quân đoàn cùng lực lượng vũ trang địa phương, tiến quân như vũ bão hợp thành trận đánh mang tầm vóc lịch sử.

Năm giờ 30 sáng mùng 9 – 4 – 1975 pháo chiến dịch 130 ly (pháo tầm xa của quân đội nhân dân Việt Nam) ở tọa độ 17 – 5507 (Túc Trưng - Bảo Vinh) gầm vang báo hiệu trận tiến công tuyến phòng thủ Xuân Lộc mở màn. Sau hơn một tiếng đồng hồ pháo cấp tập vào các mục tiêu trong thị xã Long Khánh, Xuân Lộc, phía ta chuyển làn bắn chế áp pháo địch ở Núi Thi, hỗ trợ xe tăng, bộ binh ở các hướng đồng loạt tiến công. Ngay phút đầu tiên, cột ăng-ten trong tiểu khu Long Khánh bị gục đổ, các kho đạn nổ tung.

Mũi hướng bắc các chiến sĩ biệt động Long Khánh nhanh nhẹn hướng dẫn sư đoàn 341 đánh chiếm các mục tiêu ở trung tâm thị xã. Địch chống trả quyết liệt, nhưng với khí thế tiến công mạnh mẽ, đến 7 giờ 45, chiến sĩ Nguyễn Thanh Sơn, tiểu đoàn 5 trung đoàn 116, sư 7 cắm cờ trên dinh tỉnh trưởng Long Khánh. Hướng đông thị xã do địa hình quá trống trải, địch dùng xe tăng phản kích dữ dội, sư đoàn 7 bị thương vong nặng, đến chiều tối vẫn không chọc thủng được phòng tuyến của hậu cứ sư đoàn 18. Hướng tây sư đoàn 6 cùng du kích, đánh chiếm ấp Trần Hưng Đạo, đèo Mẹ bồng con, ấp Hưng Lộc, hoàn thành nhiệm vụ được phân công, giải phóng quốc lộ 1 đoạn trên 10 km. Hướng nam tiểu đoàn 445 phối hợp với tiểu đoàn 9 trung đoàn 209 sư đoàn 7 đánh viện binh địch từ Suối Cát, tiêu hao nặng 2 tiểu đoàn địch, bắt sống tù binh, giải phóng ấp Bảo Toàn.

Sau một ngày đồng loạt tiến công, địch bị thiệt hại nặng nề. Hệ thống bố phòng ở Xuân Lộc bị phá vỡ. Cờ giải phóng tung bay trên các tòa nhà: dinh tỉnh trưởng, khu cố vấn Mỹ, ty cảnh sát, trụ sở tình báo CIA. Hậu cứ sư đoàn 18 bị chọc thủng một mảng.

Địch phát hiện ra ý đồ chiến thuật của ta, chúng lập tức điều chỉnh lực lượng điều tiểu đoàn 1 chiến đoàn 48 từ Tân Phong về, tiểu đoàn 3 chiến đoàn 48 chốt tại Tân Phong. Chiến đoàn 52 từ Túc Trưng về Kiệm Tân, tiểu đoàn 2 chiến đoàn 52 về tiếp ứng cho thị xã. Tiểu đoàn 1 chiến đoàn 52 giải tỏa áp Trần Hưng Đạo, các tiểu đoàn bảo an được chấn chỉnh, tăng cường phòng thủ hướng đông thị xã. Bộ chỉ huy sư đoàn 18 di chuyển về hướng đông Tân Phong, tiểu khu trưởng Long Khánh chuyển về Núi Thị, phi pháo tăng cường đánh phá hậu phương ta ở mũi tiến công hướng đông.

Ngày 10 tháng 4 tiểu đoàn 7 trung đoàn 33 cùng du kích áp Trần Hưng Đạo tiến công làm chủ phân chi khu quân sự Dầu Giây. Hướng bắc sư đoàn 341 cùng biệt động thị xã đánh địch ở khu vực nhà nhà thờ, địch chiếm lại ngã tư đường sắt. Hướng nam tiểu đoàn 445 đại đội 41 và K8 Xuân lộc tiếp tục, chia cắt đánh địch ở Tân Phong, Suối Cát. Đội nữ pháo binh Xuân Lộc liên tục pháo kích vào chỉ huy sở hành quân của địch.

Chiến sự xảy ra vô cùng ác liệt ở trung tâm thị xã. Địch giãn bộ binh ra và dùng phi pháo oanh kích hủy diệt các mục tiêu ta đã chiếm được. Các loại máy bay AD6, A7, F5A liên tục ném bom, bắn hỏa tiễn dùng loại máy bay vận tải C130 rải bom tọa độ. Các con đường Phan Thanh Giản, Hồng Thập Tự, đoạn cua heo... nhà cửa bị đánh phá tan hoang. Ta kịp thời sơ tán trên 2.000 dân ra hướng Bình Lộc, Bàu Sen.

Ngày 11 tháng 4 quân đoàn 3 ngưng tăng viện cho Xuân Lộc 1 chiến đoàn bộ binh 3 thiết đoàn, nhưng lực lượng này bị ta chặn đứng tại Hưng Lộc.

Ngày 12 tháng 4, mũi hướng tây ta làm chủ hoàn toàn ngã ba Dầu Giây và đánh bật hầu hết các đợt phản kích từ hướng nam lên chi viện cho thị xã.

Mũi hướng đông và bắc chiến sự ngày càng quyết liệt. Địch tăng cường phi pháo oanh tạc các mục tiêu ta đã chiếm và đánh vào phía sau đội hình tiến công của ta. Trên 70 khẩu pháo và 50 phi vụ oanh kích vào đội hình ta. Đặc biệt 14 giờ chiều 12 tháng 4 địch ném 2 quả bom CBU xuống cách thị xã 800 mét về hướng bắc. Đây là loại bom hơi ngạt (giết người bằng bức xạ đốt cháy oxy). Thương vong mũi bắc của ta lên đến 1.100 người trong ngày. Chiều 12 tháng 4, hàng trăm lần chiếc máy bay lên thẳng đổ lữ đoàn 1 dù xuống nam Tân Phong, ngưng quyền Sài Gòn sử dụng át chủ vào chiến trường Xuân Lộc.

Trước tình huống nghiêm trọng đồng chí Hoàng Cầm trực tiếp xuống Xuân Lộc nắm tình hình và chỉ đạo thay đổi phương án tác chiến: Tạm thời rút lực lượng chủ lực ra khỏi trung tâm thị xã để củng cố; sử dụng lực lượng dự bị mạnh bất ngờ tiến công địch tiêu diệt chiến đoàn 52/18 tại Kiệm Tân và Dầu Giây, chiếm cao điểm Núi Thị, tách Xuân Lộc khỏi sự chi viện từ hướng tây. Xuân Lộc bị cô lập sẽ hoang mang, ta tung lực lượng đánh địch bật khỏi Xuân Lộc.

Rạng sáng 15 tháng 4 trung đoàn 33 và lực lượng du kích tiêu diệt 1 tiểu đoàn của chiến đoàn 52 và 1 chi đoàn xe bọc thép tại ngã ba Dầu Giây, chiếm Núi Thị. Trung đoàn 4 diệt gọn 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 chi đoàn xe bọc thép thu 12 khẩu pháo, bắt sống hàng trăm tù binh, giải phóng chi khu Kiệm Tân. Chiến đoàn 52 sư 18 bị đánh tan.

Để cứu vãn tình thế, ngày 16 tháng 4, Tư lệnh quân đoàn 3 nguy vội vã thành lập Bộ chỉ huy tiền phương ở Trảng Bom.

Phối hợp với bộ đội chủ lực, Huyện ủy huyện Cao su thực hiện chủ trương: Tranh thủ thời cơ, du kích tự vệ khẩn trương hỗ trợ công nhân chiến đấu và nổi dậy giải phóng các sở, ấp Cao su. Ngày 16 tháng 4 tự vệ, du kích phối hợp với công nhân nổi dậy giải phóng sở cao su Bình Lộc.



H22. Cuộc chiến tại chiến trường Xuân Lộc

Ngày 19 tháng 4 giải phóng ấp Suối Tre.

Ngày 20 tháng 4 giải phóng Cốc Rang và An Lộc... Trước khí thế tiến công và nổi dậy mạnh mẽ của tự vệ, du kích và công nhân, bọn chủ sở chạy về Sài Gòn. Toàn bộ tài sản, vật tư máy móc của các sở cao su được công nhân quản lý giữ gìn chu đáo.

Sau một tuần lễ chuyển phương án tác chiến, ta đánh quy chiến đoàn 52 và chiến đoàn 8 nguy. Quân địch ở Long Khánh không còn hy vọng sự cứu viện của Bộ tư lệnh quân đoàn 3 và Sài Gòn. Cùng với thời gian này tuyên phòng thủ Phan

Rang bị phá vỡ. Đại quân ta từ miền Trung thần tốc tiến vào Nam bộ. Tinh thần binh sĩ nguy ở Long Khánh hoang mang cực độ. Ngày 18 tháng 4, quân đoàn 3 phải dùng máy bay lên thẳng bốc một bộ phận từ Xuân Lộc về Trảng Bom để củng cố tuyến phòng thủ mới.

Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định: “tiến công dứt điểm, giải phóng Xuân Lộc”. Ngày 18 và 19 tháng 4 năm 1975, pháo địch tập trung bắn ở hướng tây thị xã. Bộ chỉ huy nhận định: “địch đã bắn pháo nghi binh, có khả năng tháo chạy về 2 hướng: theo đường số 2 về Vạn Kiếp – Bà Rịa, hoặc theo hướng nam Sở Ông Quế về Nước Trong (Long Thành) hoặc Trảng Bom...”, ra mệnh lệnh triển khai đánh địch tháo chạy hướng nam Xuân Lộc.



H23. Quân ta bị thương và nghỉ ngơi

Một giờ sáng 21 tháng 4 năm 1975 quân ta mở đợt tiến công cuối cùng vào Xuân Lộc, nhưng toàn bộ sư đoàn 18 và tiểu khu Long Khánh đã rút chạy khỏi Xuân Lộc từ 10 giờ đêm 20 tháng 4. Trên hướng liên tỉnh lộ số 2, đại đội 41 chặn đánh tàn quân địch bắt sống hàng trăm tên, trong đó có đại tá Phạm Văn Phúc tỉnh trưởng tỉnh Long Khánh.



H24. Các chiến sĩ thuộc tiểu khu Long Khánh

Tám giờ sáng ngày 21 tháng 4 năm 1975, ngụ quân, ngụ quyền ở thị xã Long Khánh tháo chạy và tan rã hoàn toàn. Tuyến phòng thủ cuối cùng của địch ở Xuân Lộc bị đập tan - cửa ngõ tiến quân vào Sài Gòn của đại quân ta được mở. Trong lúc chiến dịch Xuân Lộc đang diễn ra ác liệt, Bộ Chỉ huy Miền đã chỉ đạo mặt trận cánh đông triển khai các trung đoàn đặc công, biệt động thọc sâu áp sát để đánh chiếm đầu cầu ở quân đoàn 3 ngụy, đánh chiếm Bộ tư lệnh hải quân ngụy, chiếm giữ cầu Sài Gòn đảm bảo cho quân đoàn tiến vào dinh Độc Lập. Các đơn vị chấp hành và thực hiện đúng ý đồ chỉ đạo.



H25. Quân ta làm chủ chiến trường mặt trận Xuân Lộc



H26. Chiến thắng tại chiến trường Xuân Lộc

Chiến thắng Xuân Lộc của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã đánh sập "Cánh cửa thép" cuối cùng để tiến vào Sài Gòn. Xuân Lộc chính là yết hầu của Sài Gòn, chính Tham mưu trưởng Lục quân Mỹ Đại tướng Frederick C. Weyand đã trực tiếp lên Xuân Lộc thị sát và nhấn mạnh: "Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn". Chiến thắng Xuân Lộc làm rung chuyển bộ máy chính quyền tại Sài Gòn. Ngay tối ngày Xuân Lộc được giải phóng, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức và hai ngày sau đó thì trốn chạy khỏi Sài Gòn. Bên kia bờ đại dương, ngày 23/4/1975, Tổng thống Mỹ Gerald Ford tuyên bố "Cuộc chiến tại Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ". Quân đội và chính quyền Sài Gòn đã hoang mang tột độ khi mất Tây Nguyên thì nay lại càng hoang mang, run sợ hơn. Chiến thắng Xuân Lộc còn khẳng định sự ủng hộ của người dân miền Nam đối với Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam

Chiến thắng tại Xuân Lộc của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam đã thực sự là đòn quyết định, đập tan mọi hy vọng vào việc duy trì chế độ của Chính quyền Sài Gòn. Đây là bước đà trực tiếp, hữu hiệu cho cánh quân hướng Đông của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam nói riêng, cho cả Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 26 – 30/4/1975), giải phóng hoàn toàn Sài Gòn - Gia Định, kết thúc thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam nói chung.

f. Tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng toàn tỉnh

Sau sự thất bại ở Xuân Lộc, ngày 23 tháng 4 tổng thống Mỹ tuyên bố: “cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ...” Nguyễn Văn Thiệu vội vã công bố từ chức tổng thống chuyển sang Mỹ. Trần Văn Hương lên thay, sau đó, ngày 28 – 4 – 1975, Dương Văn Minh thay Hương làm tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Định và 5 sư đoàn chủ lực tan rã từ miền Trung và Xuân Lộc về chốt giữ vòng cung: Biên Hòa – Long Bình – Tây Ninh – Long An.

Ở Biên Hòa, sư đoàn 18 sau khi tháo chạy khỏi Xuân Lộc, nhưng củng cố lại thành 3 chiến đoàn án ngữ quốc lộ 1. Tàn quân bảo an Xuân Lộc chạy về kết hợp với bảo an thị xã Biên Hòa thành 2 liên đoàn 933 và 318, cùng với lữ đoàn 468 thủy quân lục chiến án ngữ quốc lộ 15. Lữ đoàn 3 kỵ binh và lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến chốt giữ khu vực Biên Hòa – Long Bình. Hai lữ đoàn dù đảm nhiệm giữ các cầu: Đồng Nai, Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Hóa An... và tuyển ngoại vi Sài Gòn.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định mang tên là: CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH.



H27. Bộ chỉ huy Chiến dịch giải phóng Sài Gòn

Lực lượng quân chủ lực ta tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh tương đương 5 quân đoàn và tiến vào Sài Gòn từ 4 hướng:

- Hướng bắc từ Bình Dương (theo quốc lộ 13) do quân đoàn 1 đảm nhiệm.
- Hướng đông – đông bắc từ Biên Hòa theo quốc lộ 1 và 15 do quân đoàn 4 và quân đoàn 2 đảm nhiệm.
- Hướng tây bắc từ Tây Ninh do quân đoàn 3 đảm nhiệm
- Hướng tây nam – Long An do đoàn 232 đảm nhiệm.

Để chuẩn bị cho chiến dịch cuối cùng quét sạch quân thù, từ ngày 9 – 4, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Thành ủy Biên Hòa vào nội thành triển khai kế hoạch chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy, thành lập 10 Ủy ban khởi nghĩa trong nội ngoại thành phố. Ngày 16 tháng 4, Thành ủy Biên Hòa ra nghị quyết về “Tổng công kích và nổi dậy ở thị xã Biên Hòa”.



H28. Lễ giao cờ tại Biên Hòa cho Đại đội 2 thuộc Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 3, Sư đoàn 304 tại rừng cao su Biên Hòa (Đồng Nai) trước khi vào chiến dịch giải phóng Sài Gòn.

Chiến dịch Hồ Chí Minh trên địa bàn Biên Hòa hình thành hai mũi tiến công của 2 quân đoàn chủ lực. Quân đoàn 4 tiến vào Sài Gòn – Gia Định theo quốc lộ 1 và xa lộ Biên Hòa. Quân đoàn 2 sau khi đập tan tuyến phòng thủ ở Phan Rang vào đến Xuân Lộc, tiến công vào Sài Gòn – Gia Định theo hai mũi là quốc lộ 15 và bến phà Cát Lái. Sư đoàn 2 đặc công (mới được thành lập) có nhiệm vụ đánh chiếm các cầu Đồng Nai trên xa lộ, cầu Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Rạch Cát và quốc lộ 1 đảm bảo cho đại quân ta tiến về Sài Gòn được thuận lợi.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975 chiến dịch lịch sử mang tên chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu.

Tại Biên Hòa trận địa pháo tầm xa 130 ly ở Hiếu Liêm (chiến khu Đ) nã đạn dồn dập vào các căn cứ sân bay Biên Hòa, các sư đoàn bộ binh đồng loạt tấn công. Sư đoàn 6 tiến công yếu khu Trảng Bom. Sư đoàn 7 tiến công các căn cứ địch dọc lộ 1 đến Hồ Nai. Lực lượng vũ trang huyện Thống Nhất và nhân dân nổi dậy giải phóng toàn huyện vào ngày 27 – 4 – 1975.



H29. Quân ta giành thế chủ động trên chiến trường Nam Bộ

Ngay từ 17 giờ ngày 26 tháng 4 đạn pháo 130 ly của ta trum lên căn cứ Nước Trong (Long Thành). Pháo vừa ngưng, bộ binh xe tăng ta từ nhiều hướng tiến công mãnh liệt. Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 đánh chiếm căn cứ Nước Trong. Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 tiến vào chi khu Long Thành. Lực lượng vũ trang địa phương tiểu đoàn 240 Biên Hòa phối hợp với quân chủ lực đánh phân khu Phước Thiện.

Đêm 26 rạng 27 – 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn đặc công 116 đánh chiếm khu trung tâm tổng kho Long Bình, cụm bố phòng Bến Gỗ, tiến chiếm và chốt giữ cầu Đồng Nai. Đêm 27 rạng 28 tiểu đoàn 174 và tiểu đoàn 23 đánh chiếm cầu Hóa An (cầu Mới), cầu Gành, cầu Rạch Cát...

Ngày 27 tháng 4 sư đoàn 6 và sư đoàn 7 Quân đoàn 4 quét sạch địch ở ngã ba Dầu Giây, trận địa pháo Sông Thao, tiến lên tiêu diệt địch và làm chủ chi khu Trảng Bom, Bàu Cá; sư đoàn 325 Quân đoàn 2 làm chủ chi khu Long Thành.

Ngày 27 tháng 4 sân bay quân sự Biên Hòa hoàn toàn bị tê liệt.

Ngày 28 tháng 4 hướng Biên Hòa sư đoàn 6, sư đoàn 7 đánh các cụm quân địch dọc theo quốc lộ 1 từ Suối Địa, Trà Cổ và truy kích địch về căn cứ ở Hồ Nai. Tám giờ 30 phút trung tướng Nguyễn Văn Toàn tư lệnh quân đoàn 3 đến Long Bình giao nhiệm vụ “tử thủ” cho tướng Lê Minh Đảo tư lệnh sư đoàn 18 rồi lên máy bay chuẩn thẳng. Các tướng tá trong Bộ tư lệnh quân đoàn 3 cũng cuốn gói chuẩn về Sài Gòn. Sở chỉ huy quân đoàn 3 chỉ còn viên thiếu tá quản trị hành chánh quân đoàn tiếp tục “tử thủ”.

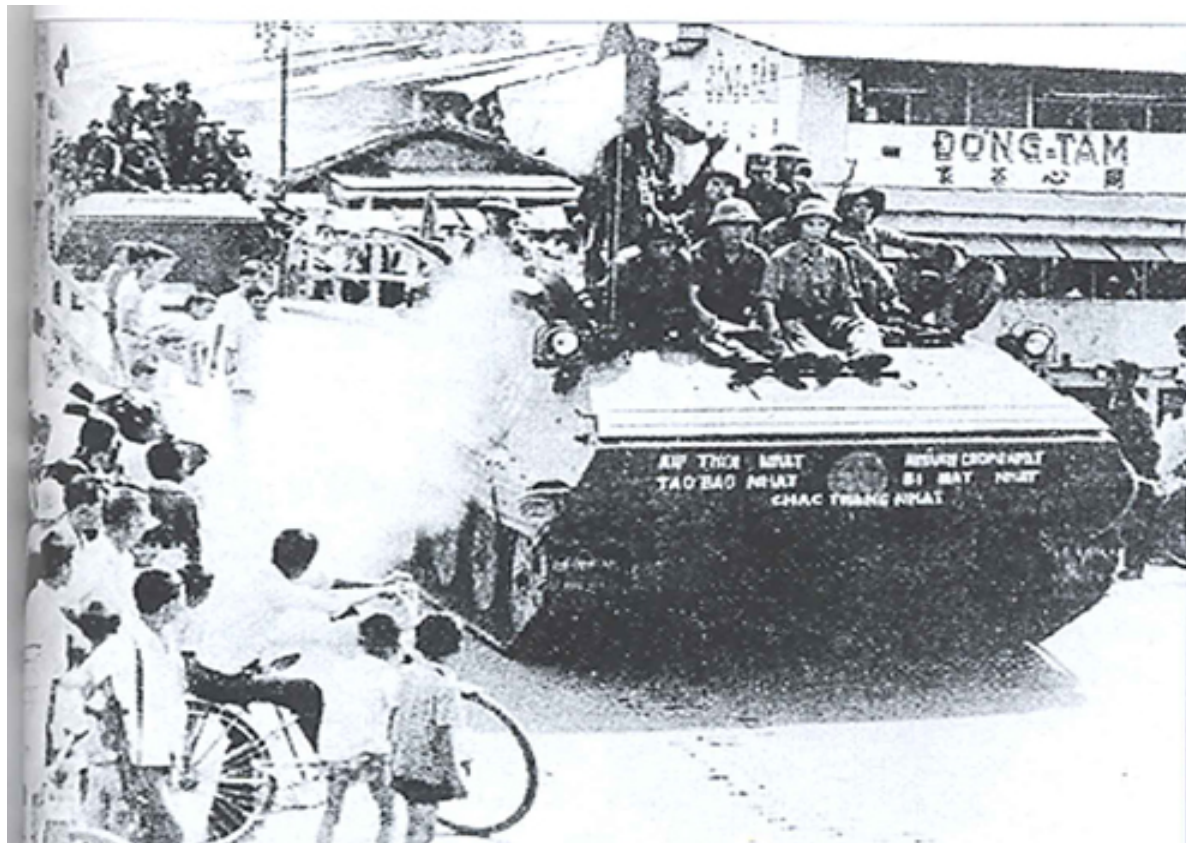
Hai giờ sáng ngày 26 tháng 4 tiểu đoàn 9 trung đoàn đặc công 113 tập kích căn cứ thiết đoàn 15 tại Hóc Bà Thức bắt sống tên chỉ huy. Sư đoàn 6 phát triển ra ga Long Lạc. Sư đoàn 6 cùng sư đoàn 7 tiến quân về Hồ Nai trước sự chống cự điên cuồng của địch.

Tại khu kỹ nghệ Biên Hòa, Ủy ban khởi nghĩa của Thành ủy Biên Hòa phát lệnh đánh địch. Lập tức cơ sở mật trong 17 nhà máy lãnh đạo tự vệ và công nhân nổi dậy. Trên 200 công nhân và nông dân khu vực Bình Đa, Tam Hiệp cùng nổi dậy hỗ trợ cơ sở mật ở khu kỹ nghệ. Cờ giải phóng được kéo lên trung tâm SONADEZI và các nhà máy. Cơ sở nội tuyến của Thành ủy Biên Hòa lái 2 chiếc xe thiết giáp M113 của địch đầy ắp súng đạn, dẫn đầu đoàn người tiếp tục truy kích tàn quân địch trong khu kỹ nghệ, bắt sống tên Lãnh cảnh sát trưởng khu kỹ nghệ, thu toàn bộ hồ sơ. Đến chiều 29 tháng 4, hầu hết các nhà máy Khu kỹ nghệ Biên Hòa và một số ập lân cận hoàn toàn giải phóng.

Sau hơn một ngày liên tục tiến công, đến 11 giờ ngày 29 tháng 4 sư đoàn 304 làm chủ căn cứ ngã ba Thái Lan, quét sạch địch từ căn cứ Nước Trong đến tổng kho Long Bình, phát triển về xa lộ Biên Hòa. Sư đoàn 325 đã làm chủ chi khu Nhơn Trạch và tiếp tục tiến công Thành Tuy Hạ, chiếm được đồi Bình Phú, đặt trận địa pháo 130 ly. Đêm 29 tháng 4 tại đồi Bình Phú pháo binh ta nã đạn dồn dập vào sân bay Tân Sơn Nhất. Đến chiều 29 tháng 4 toàn bộ địch ở Long Thành – Nhơn Trạch bị quét sạch, sư đoàn 325 tập kết ở bên phà Cát Lái, nơi đây Huyện ủy Nhơn Trạch đã chuẩn bị trên 100 ghe thuyền sẵn sàng đưa lực lượng quân đoàn 2 tiến vào Sài Gòn.

Sáng 30 tháng 4 từ Long Thành, Nhơn Trạch - lữ đoàn tăng 203 đến cầu Đồng Nai. Trung đoàn đặc công 116 sau 3 ngày đêm đánh chiếm giữ cầu đã lên xe tăng dẫn đường cho lữ đoàn 203 hành quân vào đánh chiếm dinh Độc Lập. Sư đoàn 325 (quân đoàn 2) dùng xuồng, ghe máy, ghe chèo tay... ào ạt vượt sông - tại bến phà Cát Lái cùng tiến vào Sài Gòn.

15 giờ ngày 29 - 4 - 1975, tù nhân trong nhà tù Tân Hiệp nổi dậy phá khám ra quốc lộ 1 về hướng Trảng Bom. Đến tối ngày 29 - 4 đoàn đến Bộ chỉ huy tiền phương Mặt trận Biên Hòa, được đưa về chỉ huy sở sư đoàn 6 tại nhà thờ Bắc Hòa (Hố Nai). Pháo địch vẫn còn bắn xối xả dọc quốc lộ 1. Bộ phận tiếp nhận đưa tù nhân về hướng Gia Kiệm. Lực lượng ta tiếp tục tiến công. 6 giờ sáng ngày 30 - 4 - 1975, Bộ Tư lệnh sư đoàn 6 đến ngã ba Kê Sắt, cùng lúc đài phát thanh Sài Gòn thông tin tổng thống ngụy Dương Văn Minh đầu hàng. Quân đoàn 4 nhanh chóng triển khai lực lượng tiến về Sài Gòn. Sư đoàn 6 tiếp quản sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình.



H30. Quân giải phóng miền Nam làm chủ các mặt trận

6 giờ sáng 30 - 4 - 1975, đảng viên mật Trương Thị Sáu (chi bộ Đảng chợ Biên Hòa) được anh Muộn, cơ sở nội tuyến bảo vệ đã hạ cờ ba que thượng cờ Tổ quốc ở Tòa hành chánh tỉnh Biên Hòa.



H31. Tiến vào toà hành chánh Biên Hoà

10 giờ 30 phút sáng 30 – 4 – 1975, Ủy ban Quân quản thành phố Biên Hòa, trung đoàn 5 tiến vào tiếp quản Tòa hành chánh Biên Hòa trong tiếng reo hò, hoan hô của hàng ngàn quần chúng trong thành phố Biên Hòa.



H32. Niềm vui chiến thắng vang dội khắp miền Nam

Lịch sử đã lặp lại một cách kỳ diệu. Ba mươi năm trước (26 – 8 – 1945), nhân dân Biên Hòa đã chiếm Tòa bố giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám. Ba mươi năm sau, một lần nữa quân dân Biên Hòa cầm cờ ở Tòa hành chánh, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng quê hương, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập thống nhất đất nước và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là một chiến dịch tiến công lớn nhất chưa từng có trên chiến trường nước ta trong 20 năm kháng chiến chống Mỹ, trong cả 30 năm chiến tranh giải phóng cả về quy mô lực lượng, cường độ tiến công triệt để của chiến tranh cách mạng chống Mỹ ở miền Nam.



H32. Nhân dân mừng rỡ trước chiến thắng giải phóng miền Nam





H33. Chiến thắng lịch sử - chiến thắng vinh quang. Cánh cổng Dinh Độc Lập bị đẩy tung, nhân dân mừng rỡ tung hô vui mừng chiến thắng.

2.2. Trình bày cảm nhận về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai. Những việc làm để phát huy truyền thống ấy.

2.2.1. Cảm nhận về truyền thống đấu tranh cách mạng của quân dân Biên Hoà – Đồng Nai

Lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã hình thành một truyền thống yêu nước quý báu. Truyền thống ấy đã thấm sâu vào trong mỗi người dân Việt Nam tạo nên một sức mạnh của dân tộc. như Bác Hồ đã nói : “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ Quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

Nhân dân Việt Nam nói chung, hay cách riêng là nhân dân Biên Hoà – Đồng Nai ai ai cũng mang trong mình ngọn lửa yêu nước nồng cháy, quả tim son sắt với quê hương, với đồng bào, với người thân.

Trải qua hàng trăm năm trong cuộc kháng chiến trường kì chống Pháp, nhân dân Biên Hoà – Đồng Nai đã trải qua biết bao sự gian khổ, biết bao sự hi sinh, mất mát. Ngày đau khổ mất nước và mất tự do của nhân dân Biên Hoà, chính là lúc ngày 2-9-1859, khi Pháp nổ súng tấn công và đánh chiếm thành Gia Định lúc bấy giờ, mở đầu công cuộc xâm lược nước ta mà trước tiên là vùng đất Nam Bộ. Bất chấp sự tàn bạo của thực dân Pháp, mặc cho sự đầu hàng đón hèn của vua tôi triều đình nhà Nguyễn, nhân dân Biên Hoà – Đồng Nai (thành Gia Định cũ) sục sôi tinh thần chiến đấu chống giặc, nêu cao tinh thần kháng chiến, sục sôi ngọn lửa yêu nước. Thật vậy, đọc qua các tài liệu lịch sử cũ ghi chép lại, khi nhìn thấy thực dân Pháp đánh chiếm tàn bạo, làm tổn thương con tim đất nước Việt Nam, quân dân Biên Hoà lúc bấy giờ chỉ là những người dân bình thường, dưới sự kết hợp lãnh đạo của các sĩ phu, văn thân yêu nước, cùng binh lính đương triều chống trả quyết liệt, trong suy nghĩ của em, chính cái cốt cách của con người Việt Nam, lòng yêu nước của con người Việt Nam đã không ngừng thúc đẩy cha ông không ngại khó khăn, không quản thân mình, chẳng sợ hi sinh, để chiến đấu bảo vệ đất nước, bảo vệ quê hương.

Chính vì lòng yêu nước, và tiếp nối truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của tiền nhân, quân dân Biên Hoà không thể chấp nhận sự thống trị của bọn thực dân trên mảnh đất Gia Định (Biên Hoà – Đồng Nai), nên sau khi chúng đánh chiếm thành Gia Định, nhân dân, binh lính, sĩ phu, văn thân, ... các tầng lớp đều ra sức chiến đấu, liên tiếp bùng nổ nhiều cuộc khởi nghĩa chống giặc Pháp,

tiêu biểu như: cuộc khởi nghĩa của Tổng lãnh binh Nguyễn Đức Ứng ở huyện Long Thành, khởi nghĩa của hai cha con Trương Định và Trương Quyền ở căn cứ Bàu Cá, Giao Loan,... làm cho thực dân Pháp một phen nao núng. Sau đó, những năm đầu của thế kỉ XX, các phong trào kháng chiến, các cuộc khởi nghĩa của quân dân càng nổ ra nhiều hơn và táo bạo hơn. Tuy nhiều lần bị thực dân Pháp dùng đủ phương thức dò la, điều tra, đàn áp, càn quét, rất nhiều anh hùng đã không quản phải hi sinh thân mình, vẫn một lòng trung kiên với tổ quốc, cho đến tận giây phút cuối cùng, vẫn không quên được đất nước đang còn trong cảnh khốn khổ. Đó là truyền thống vô cùng quý báu, mà ông cha ta từ ngàn năm trước đã xây dựng và truyền lại cho hậu thế.

Không dừng lại ở kết cục đau thương, dù cho thực dân Pháp có tàn bạo, dù cho nhiều chiến sĩ đã hi sinh anh dũng, dù cho nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào yêu nước, phong trào đấu tranh bị đàn áp, nhưng đằng sau sự đau đớn, tang thương đó, lại chính là sức mạnh để nhân dân Biên Hoà – Đồng Nai vượt lên. Nhưng kể năm 1935, dưới sự có mặt và lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, các chi bộ Đảng lần lượt được thành lập, nhân dân Biên Hoà như lại được tiếp thêm nước vào ao hồ đang cạn của mình, tiếp tục vùng lên đấu tranh chống thực dân, dưới ngọn cờ chủ nghĩa Cộng Sản, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.

Dường như sức mạnh của lòng yêu nước chính là sức mạnh vô hạn, là nguồn năng lượng cực mạnh khiến cho quân dân Biên Hoà không chút ngui ngoai, không chút sờn hã. Đặc biệt là từ khi có Đảng lãnh đạo, cuộc chiến bước theo hướng mới, theo con đường Cách mạng vô sản, thì sức mạnh của quân dân lại được tăng thêm gấp bội.

Khi có Đảng lãnh đạo, phong trào cách mạng ở Đồng Nai đi vào hoạt động tự giác, có tổ chức, hướng đến mục tiêu trước mắt và lâu dài, xác định từng bước đi thích hợp. Giai đoạn 1935 đến trước tháng 8 năm 1945, chủ yếu là dân sinh dân chủ kết hợp đấu tranh chính trị, kết hợp nuôi dưỡng lực lượng vũ trang để chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Nhiều cuộc đấu tranh chính trị liên tục của các tầng lớp nhân dân chứng tỏ sự trưởng thành của các lực lượng cách mạng: Liên đoàn học sinh trường tiểu học Bình Hòa được Đảng lãnh đạo rải truyền đơn kêu gọi tinh thần cách mạng ngày 1 tháng 5 năm 1935; mítting trọng thể tại Gò Dê (Bình Ý) tháng 9 năm 1936; Cuộc đấu tranh đòi giảm sưu thuế của nhân dân Long Thành và cuộc đấu tranh đòi tăng lương giảm giờ làm của công nhân Nhà máy BIF thắng lợi. Đầu năm 1937, các cơ sở Đảng phát triển, thành lập Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Trương Văn Bang làm bí thư, đến giữa năm có thêm các chi bộ Đảng: Bình Ý, Bình Phước, Tân Triều, Thiện Tân, Bình Hòa, Mỹ Lộc, Mỹ Quới,

Xuân Lộc... Năm 1940, việc chuẩn bị tham gia khởi nghĩa Nam kỳ được tiến hành ráo riết nhưng bị lộ, bị đàn áp, nhiều tổn thất; một số đảng viên bị bắt, bị giết hoặc tù đày; một bộ phận có vũ trang thô sơ rút vào rừng (là một trong số các bộ phận hình thành Chi đội 10 sau Cách mạng Tháng tám). Từ ngày 28 tháng 7 năm 1941, phát xít Nhật vào Biên Hòa, dân Đồng Nai thêm một tầng áp bức. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, lập chính quyền và các tổ chức thân Nhật; lãnh đạo Đảng nhận định tình hình, chọn thời cơ cách mạng; địa phương Biên Hòa cùng cả nước thực hiện lệnh tổng khởi nghĩa; buộc tỉnh trưởng ngụy Nguyễn Văn Quý phải chuyển giao chính quyền cho đại diện nhân dân lúc 11h30 ngày 26 tháng 8 năm 1945. Sáng ngày 27 tháng 8 năm 1945 tại Quảng trường Sông Phố diễn ra ngày hội lịch sử mừng độc lập, thống nhất của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai gồm hàng vạn người tham gia.

Quân dân Biên Hoà – Đồng Nai mỗi ngày một phát triển hơn, một mạnh mẽ hơn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng vào con đường Cách mạng vô sản – chủ nghĩa xã hội.

Những năm 1949-1954, lực lượng cách mạng ở Biên Hòa - Đồng Nai trưởng thành vững vàng, các chiến khu được củng cố, tăng năng lực sản xuất và chiến đấu; chiến thắng trước thử thách của thiên tai lũ lụt Nhâm Thìn 1952; đánh và thắng địch bằng nhiều cách: du kích, đột kích, tập kích trên khắp các chiến trường, kết hợp binh vận, diệt ác trừ gian ở cơ sở, và ở ngay cả trong lòng địch; tiếp tục ghi nhiều chiến công lịch sử, như: Trận tập kích đồng loạt phá 50 tháp canh của giặc ngày 22 tháng 3 năm 1950; đánh bại nhiều cuộc càn quét qui mô của địch vào chiến khu Đ; đốt kho xăng dầu ở Phước Lư (Biên Hòa) tấn công trại giam Thủ Đức giải thoát 120 tù chính trị (tháng 8 năm 1950), tập kích yếu khu Trảng Bom (20/7/1951), cài mìn diệt máy bay giặc ở sân bay SIPH (tháng 4/1952)... Kết quả kháng chiến chống Pháp của quân dân Biên Hòa đã góp phần quan trọng trong thắng lợi chung ở chiến trường Nam bộ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ..

Đối với em, nhìn vào sự kiên cường chiến đấu, từng ngày từng ngày phát triển của quân dân Biên Hoà qua các giai đoạn, qua các cuộc chiến đấu, đủ để nhận thấy rằng, truyền thống cách mạng, truyền thống đấu tranh chống giặc của quân dân Biên Hoà là một truyền thống quý báu, một tinh thần, một sức mạnh mà vĩnh viễn trường tồn, mãi mãi không thể phai.

Với sự chỉ đạo của Trung ương Đảng Cộng Sản, quân dân Biên Hoà – Đồng Nai luôn tin tưởng và giữ vững niềm tin cách mạng, sức mạnh chiến đấu. Có thể cảm thấy, mỗi người đều mang trong mình ý chí sắt đá, kiên cường bất khuất.

Những ngày vui mừng không được bao lâu từ khi Pháp kí kết hiệp định Giơ-ne-vơ chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam, thì lại một lần nữa, quân dân Biên Hoà – Đồng Nai lúc này vô cùng đau đớn khi bị đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam, đưa bọn tay sai làm chính phủ bù nhìn, thống trị miền Nam. An ủi chưa được bao lâu, nỗi đau lại nối tiếp bước tới, quê hương lại một lần nữa bị xâm lược, đất nước bị chia cắt làm hai.

Nhưng quân dân Biên Hoà với tinh thần chiến đấu, tiếp bước cha ông, cũng dường như đã khá quen với cảnh chiến đấu, nên khi quân Mỹ và Ngụy quyền thống trị miền Nam. Quân dân Biên Hoà lại một lần nữa đứng lên hợp lực, cùng với sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, được sự chi viện và ủng hộ từ hậu phương thân thương miền Bắc, sức mạnh và tinh thần chiến đấu của quân dân Biên Hoà lại vụt bay cao ngút.

Đế quốc Mỹ đã huy động vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam một khối lượng bom đạn, vật chất kỹ thuật chưa từng có trên một địa bàn tương đối hẹp; đã sử dụng mọi loại vũ khí hiện đại nhất trừ bom nguyên tử; đã đưa số quân Mỹ vào miền nam lúc cao nhất lên tới hơn nửa triệu quân cùng với một lực lượng lớn hải quân, không quân chiến lược, chiến thuật, 7 vạn rưỡi quân các nước theo Mỹ và hơn một triệu quân ngụy, đó là một quân số kỷ lục cho một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới. Mỹ đã thi thố mọi chiến lược, chiến thuật chính trị, quân sự, ngoại giao, đã dùng những thủ đoạn chiến tranh tàn bạo nhất: Bao vây phong tỏa, khủng bố toàn diện, tàn phá kinh tế, tiêu diệt con người, phá hủy môi trường bằng chất độc màu da cam, để lại hậu quả nặng nề cho nhiều thế hệ người Việt Nam và cả cựu binh Mỹ. Nhà Trắng và Lầu Năm góc đã xuất các chiến lược gia, các tướng lĩnh bậc nhất để đầu trí với ta.

Trước sức mạnh tàn bạo, hung ác của đế quốc Mỹ và bọn Ngụy tay sai, quân dân Biên Hoà – Đồng Nai lại một lần nữa giương cao ngọn cờ tổ quốc, dưới sự chỉ huy của Đảng, quân dân từng bước chiến đấu, mỗi ngày càng mạnh mẽ, từ sự đấu tranh hoà bình đòi dân sinh dân chủ, cơm áo đến khởi nghĩa vũ trang và đỉnh cao là các cuộc cách mạng lớn. Trong đó, mở đầu là Cao trào Đồng Khởi, đã đưa quân dân miền Nam vượt qua đau thương của một thời kì đen tối, vùng lên khởi nghĩa từng phần làm tan rã bộ máy kìm kẹp của Ngụy quyền và quân Mỹ.

Sau đó là các phong trào lần lượt nổ ra với tần suất không hề giảm đi một chút xíu nào, từ cao trào Đồng Khởi, các cuộc phá ấp chiến lược, các trận đánh lớn như trận sân bay Biên Hoà (1964), chiến dịch Bình Giả (1965), các phong trào phá tan các chiến dịch cao cấp của Mỹ, các cuộc tiến công tiêu biểu là cuộc nổi

dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 đã phá tan chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ, sau đó là các đợt tiến công khác, các chiến dịch tiêu biểu là chiến dịch Nguyễn Huệ đã góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh Việt Nam hoá. Các cuộc đấu tranh thắng lợi ấy đã làm cho tinh thần và khí thế của quân dân Biên Hoà ngày một mạnh mẽ, dù sau đó là biết bao nước mắt, sự đau thương khi nhìn thấy những người thân, bạn bè, đồng chí, các anh hùng chiến sĩ đã hi sinh thân mình để góp nên sức mạnh hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Những mất mát, những hi sinh, những đau thương ấy thực sự không làm cho quân dân Biên Hoà chùn chân trước sự hung tàn của quân giặc, mà càng làm cho quân dân mỗi ngày sục sôi ý chí chiến đấu, quyết tâm giành lại độc lập, giành lại tự do, thống nhất đất nước. Sau thời gian chuẩn bị, cuối cùng, được sự lãnh đạo tận tình và sáng suốt của Đảng và nhà nước, quân dân Biên Hoà đã cùng hợp lực tạo thành sức mạnh khổng lồ đè bẹp quân Mỹ và bọn tay sai, cuối cùng là hai chiến dịch lớn, là chiến dịch Xuân Lộc và chiến dịch Hồ Chí Minh giành thắng lợi triệt để, quân Mỹ rút về nước, Ngụy quân đầu hàng vô điều kiện. Từ đây, nhân dân Việt Nam nói chung và quân dân Biên Hoà cách riêng đã hoàn toàn tự do độc lập, đất nước được thống nhất.

Ấy chính là sức mạnh của con người Việt Nam, cho đến bây giờ, có lẽ họ vẫn chưa hiểu được, từ đâu mà người Việt lại có được nguồn sức mạnh đầy tràn như thế, biết bao sự khó khăn, kể cả con người và vật chất, đứng trước hai kẻ thù lớn mạnh là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thế mà quân dân Việt Nam – quân dân Biên Hoà lại không một chút sợ hãi, lại có thể đương đầu, lại anh dũng chiến đấu, lại chiến thắng triệt để. Quả vậy, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ có thể phải thốt lên rằng: “Việt Nam, quân dân Biên Hoà – Đồng Nai, họ có thứ gì, họ có sức mạnh gì mà mạnh mẽ đến vậy, sức mạnh ấy là cái gì, tại sao chúng ta lại không thể tiêu diệt được”. Tất cả chính là lòng yêu nước, mọi sự là tinh thần chiến đấu chống giặc của con người Việt Nam.

Thật vậy, như Hồ chủ tịch đã nói: “nhân dân ta có lòng nồng nàn yêu nước”, cái lòng nồng nàn yêu nước ấy quả luôn nồng cháy trong con tim mỗi người dân Việt Nam. Nhân dân Biên Hoà – Đồng Nai cũng thế, ai ai cũng vì chính cuộc sống mai sau, vì đất nước mà chiến đấu.

Trải qua 30 năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân Đồng Nai đã hợp lực cùng với sức mạnh đất nước đánh bại thực dân Pháp và Mỹ, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Với quyết tâm “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước,

nhất định không chịu làm nô lệ”. quân dân Đồng Nai không phân biệt tôn giáo, đảng phái, không phân biệt dân tộc, tuổi tác, giới tính, cả già trẻ lớn bé đều cùng nhau hợp thành một khối đại đoàn kết vững chắc. Sự kết hợp của lí tưởng cách mạng, của sự nghiệp giải phóng và độc lập dân tộc, của cuộc sống mai ngày âm no hạnh phúc ấy đã liên kết mọi người nên cùng một lòng chiến đấu.

Nhân dân Biên Hoà – Đồng Nai hợp cùng và kế thừa truyền thống đấu tranh cách mạng của cha ông, đã từng bước nâng cao năng lực, từng bước cải thiện chính mình, từng bước học hỏi, để chiến đấu giữ vững đất nước. Trải qua hàng chục năm, mỗi ngày mỗi phút, sức mạnh và lòng tin vào cách mạng của mỗi người dân Biên Hoà – Đồng Nai vẫn không nguôi đi, trái lại còn gia tăng thêm gấp bội.

Truyền thống đấu tranh chống giặc đã trở thành một truyền thống quý báu vô cùng của dân tộc Việt Nam ta. Cứ mỗi khi nhắc đến truyền thống ấy, em vẫn không quên từng trang sử hào hùng, từng khúc ca vinh thắng của cha ông ta từ hàng ngàn năm xưa. Một truyền thống mà đã từ hàng ngàn năm, ông cha ta đã tiếp nối tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác, mãi cho đến ngày nay. Và em tin rằng, truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm, không chỉ riêng quân dân Biên Hoà – Đồng Nai, mà chính là của toàn thể nhân dân Việt Nam, mãi mãi sẽ là nguồn sức mạnh không bao giờ vơi, là ngọn lửa không bao giờ tắt.

Như thế, lòng yêu nước là một ngọn lửa luôn luôn cháy bùng trong tim con người Việt Nam. Chính nhờ lòng yêu nước, truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm từ xưa đến nay luôn được nhân dân phát huy mạnh mẽ. Nhân dân Biên Hoà – Đồng Nai cũng cùng lòng với nhân dân cả nước, phát huy truyền thống chiến đấu và nâng cao tinh thần cách mạng, đấu tranh vì đất nước, vì sự nghiệp cách mạng, vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa, công bằng, dân chủ, văn minh. Không chỉ trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhưng lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu ấy vẫn mãi luôn được giữ gìn cho đến ngày nay và mãi mãi.

2.2.2. Những việc làm để phát huy truyền thống ấy

Hiện nay, đất nước đã dần đi vào ổn định và phát triển chủ nghĩa xã hội. Nhân dân Việt Nam được sống trong hoà bình và độc lập. Tuy chiến tranh đã qua đi, nhưng những hình ảnh, những hồi tưởng về một thời đau thương của đất nước mãi mãi ghi đậm trong con tim người Việt Nam. Mặc dù ngày nay đất nước đang hoà bình, phát triển và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thế nhưng, những thế lực ngoại xâm, những thế lực thù địch vẫn không bao giờ từ bỏ ý định xâm chiếm, phá hoại đất nước ta, kể cả giặc dốt, giặc đói,... chúng vẫn đang lăm le chờ chực để thọc tay phá hoại nước ta. Vì thế, tinh thần cảnh giác, sự đề phòng cao độ là không thể thiếu trong mỗi con người Việt Nam. Đặc biệt, đối với những học sinh, sinh viên, thế hệ trẻ, cũng chính là những hạt giống hôm nay, những cây cổ thụ mai sau, là thế hệ tương lai của đất nước, những người đó càng nhất định phải cần mang trong mình lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu, phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam. Và chính em cũng không ngoài những người đó và chính em cũng cần phải có những hành động cụ thể để kế thừa và phát huy truyền thống mà ông cha ta đã ngàn năm xây dựng và lưu truyền. Cho dù ngày nay đất nước đã không còn cảnh bom đạn, nhưng truyền thống quý báu, truyền thống đấu tranh của dân tộc vẫn không ngừng được lưu truyền và phát huy, bằng các hình thức cụ thể khác như thúc đẩy phát triển đất nước, đảm bảo dân sinh dân chủ, xoá đói, xoá mù chữ, xoá tệt nạn,... cũng là những phương thức hữu hiệu nhằm phát huy truyền thống quý báu của cha ông.

Đối với em, một sinh viên vẫn đang trên đường trau dồi tri thức, một sinh viên vẫn đang trong quá trình học tập của bậc Đại học. Điều quan trọng thiết yếu đầu tiên mà riêng em, chính em, vì em phải làm đó chính là chuyên cần học tập, siêng năng trau dồi kiến thức, rèn luyện bản thân, nhân cách, phẩm chất. Vì chính chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã viết trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà: **“Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”**. Lời căn dặn của Bác là kim chỉ nam, là nguồn động lực để các thế hệ học sinh, sinh viên, các thế hệ trẻ sau này không ngừng nỗ lực học tập. Cũng làm theo lời căn dặn ấy, em càng không ngừng thăng tiến bản thân, chuyên chăm học hành, bên cạnh đó còn rèn luyện, trưởng thành cả về mặt phẩm chất và đạo đức, để có thể trở thành một sinh viên giỏi, một người tài, một công dân tốt. Cũng chính Bác Hồ đã nói: “Có tài mà

không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.”

Bên cạnh việc chuyên chăm học tập, rèn luyện đạo đức, em còn cố gắng tạo mọi điều kiện nâng cao tri thức, thực hành phẩm chất, rèn luyện các kỹ năng cũng như góp phần xây dựng đất nước bằng việc tham gia các công tác xã hội, các hoạt động bác ái, tình nguyện, các chương trình xã hội,...do nhà trường và địa phương tổ chức thực hiện, tiêu biểu như: Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hiến máu tình nguyện, Thanh niên chấp hành pháp luật,...

Hiện nay, đất nước đang trên con đường phát triển chủ nghĩa xã hội, mỗi ngày một phát triển hơn, từng bước từng bước đi lên. Tuy nhiên, có rất nhiều kẻ thù trong và ngoài nước vẫn đang âm mưu chống phá nhà nước, chống phá cách mạng. Vì thế em cũng luôn phải đề cao cảnh giác, cảnh giác trước những loại thù trong như “giặc lười”, “giặc nghiện”,...Đặc biệt là trước tình thế đất nước đang gặp nhiều khó khăn, song các thế lực thù địch không ngừng dùng đủ mọi hình thức nhằm chống phá. Vì thế, em không chỉ phải đề cao cảnh giác, tránh xa các hình thức gây mất an ninh trật tự, náo loạn, mà còn tuyên truyền cho mọi người cũng cần phải có cảnh giác cao độ trước những âm mưu và hành động đó.

Song song với những việc làm của cá nhân em, thì sự giúp đỡ của Đảng và nhà nước, các cơ quan chính quyền, nhà trường,...cũng là một phần rất quan trọng để phát huy truyền thống đấu tranh của dân tộc Việt Nam. Dù rằng chiến tranh đã qua, nhưng sự phát triển đất nước, sự hưng thịnh, độc lập, tự do, hạnh phúc của đất nước vẫn cần có sự tiếp nối và phát huy, đặc biệt với thế hệ trẻ. Thế nên, sự góp sức trong mọi mặt nhằm phát triển toàn diện nhân cách cũng như lối sống và tinh thần yêu nước của thế hệ trẻ của Đảng và nhà nước là hết sức cần thiết.

Đảng và nhà nước đã và tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, và cần phát huy hơn nữa nguồn nhân tài của đất nước. Một nền giáo dục hoàn thiện, vững chắc là cả sự phát triển tương lai của đất nước. Chính vì thế, việc cải thiện nền giáo dục mỗi ngày mỗi giờ luôn là vấn đề cấp bách đối với nhà nước. Hiện nay, tuy đã qua nhiều đợt cải cách các vấn đề về phát triển giáo dục, cụ thể như: kì thi trung học phổ thông quốc gia, sách giáo khoa,...nhưng vẫn chưa hoàn toàn được cải thiện, vẫn còn nhiều điểm khiếm khuyết, chính vì thế, Đảng và nhà nước cần chú trọng hơn trong việc cải cách và hoàn chỉnh giáo dục, đưa giáo dục trở thành mục tiêu quan trọng trong công cuộc phát triển đất nước.

Cùng với Đảng và nhà nước, thì tầm quan trọng của các cơ sở chính quyền các cấp địa phương cũng hết sức quan trọng, địa phương các cấp cần chú trọng đến các công tác đảm bảo trật tự, thắt chặt an ninh. Bên cạnh đó, đối với các chương

trình hỗ trợ, chương trình học thuật, các hoạt động tình nguyện, các hoạt động bác ái xã hội cần được các cơ quan chính quyền địa phương tích cực hỗ trợ, và hơn hết là chịu trách nhiệm thực hiện cũng như tổ chức, thúc đẩy các phong trào thanh niên, các phong trào tình nguyện, hoạt động xã hội và học thuật phát triển, nhằm nâng cao trình độ tri thức, đặc biệt cho các thanh thiếu niên. Hiện nay, đã có rất nhiều chương trình do các địa phương cũng như liên kết các tổ chức thực hiện rất có thành quả, như chương trình “hiến máu nhân đạo – tình nguyện”, chương trình “mùa hè xanh”, các phong trào nâng cao học thuật và phát triển khoa học, cụ thể như các cuộc thi của sở khoa học và công nghệ Đồng Nai, cũng như các chương trình của các địa phương cũng là một trong những thực hiện thiết thực nhất, góp phần nâng cao nền giáo dục, song cũng là phát huy truyền thống quý báu của dân tộc.

Trực tiếp ảnh hưởng đối với nền giáo dục cũng như từng cá nhân học sinh, sinh viên, chính là sự có mặt của nhà trường. Nhà trường là nơi đào luyện tri thức, là nơi lưu truyền kiến thức,...chính vì thế mà nhà trường là điểm yếu quan trọng cho sự nghiệp giáo dục của đất nước. Hiện nay, hệ thống trường học các cấp cơ bản đã hoàn chỉnh, nhưng vẫn còn một số thiếu sót trong các công tác quản lý cũng như điều hành, cụ thể là nhiều vụ việc gây chấn động xã hội, xôn xao dư luận liên tục trong suốt thời gian gần đây như sự việc bạo hành trẻ em ở các cơ sở chăm sóc trẻ, trường mầm non, mẫu giáo,...Song nạn bạo lực học đường vẫn còn tồn tại. Vì vậy, trách nhiệm của nhà trường luôn luôn phải được nâng cao, nhà trường cần phải có những biện pháp cũng như cách thức nhằm quản lý các vấn đề đang xảy ra trong chính cơ sở của mình. Bên cạnh việc giáo dục tri thức, nhà trường phải là nơi rèn luyện cả phẩm chất của thanh thiếu niên, song song với việc dạy học, cũng cần tạo cho học sinh – sinh viên nhiều sân chơi bổ ích, lành mạnh, nhiều hoạt động, phong trào thi đua, bác ái xã hội, tổ chức các hoạt động tình nguyện, các hoạt động góp phần xây dựng đất nước,...Được như thế, truyền thống đấu tranh của cha ông mới ngày càng được phát huy. Cách riêng đối với trường Đại học Sư phạm TPHCM mà em đang theo học, em cảm thấy nhà trường đã không ngừng quan tâm đến quyền lợi của sinh viên, không chỉ trong việc tham gia học tập, mà nhà trường còn tạo mọi điều kiện phát triển khác, như tạo một số hoạt động: ngày hội sinh viên Sư phạm, phong trào thi đua “sinh viên 5 tốt”,... các hoạt động tình nguyện như: “giọt hồng Sư phạm”, “Mùa hè xanh”, “tiếp sức mùa thi”,...các phong trào thi đua, các tổ chức học thuật như thi Olympic các khoa, “nét đẹp Sư phạm”, “Tuổi trẻ với pháp luật”, “Sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp”,...cùng nhiều hoạt động khác. Trường Đại học Sư phạm đã không ngừng phát triển nhằm giúp cho sinh viên tham gia học tập được tốt

hơn cũng như trong việc phát triển toàn diện con người, đào tạo nhân tài được phát triển hơn, góp phần không nhỏ cho giáo dục của đất nước.

Thật vậy, trải qua hàng ngàn năm, truyền thống đấu tranh cách mạng của cha ông ta vẫn không ngừng lưu truyền và phát huy. Cho đến nay, truyền thống ấy lại ngày càng được áp dụng vào thực tiễn trong việc phát triển đất nước hiện nay. Và sự tiếp nối truyền thống ấy được tiếp nối hơn ai hết chính là Đảng và nhà nước, cũng như nhà trường, các tổ chức,...Trách nhiệm ấy là thuộc về toàn Đảng, toàn dân cùng nhau thi hành, cùng nhau phát huy. Cách riêng, đối với em cũng không ngoại lệ, em tự hào mình là người Việt Nam khi mang trong mình dòng máu Lạc Hồng cũng như trách nhiệm phát huy lòng yêu nước, kế thừa truyền thống trong suốt hàng ngàn năm dựng và giữ nước của cha ông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- I. Các trang thông tin điện tử
 1. dost-dongnai.gov.vn
 2. tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn
 3. thuvientongnai.gov.vn
 4. baodongnai.com.vn
 5. dongnai.vncgarden.com
 6. ubmttq.dongnai.gov.vn
 7. vi.wikipedia.org (Đồng Nai – địa giới hành chính)
 8. baobinhduong.vn (từ tháp canh Bà Kiên đến cách đánh đặc công)
 9. baomoi.com (Những ngày toàn quốc kháng chiến ở Biên Hoà)
- II. Các tài liệu
 1. Gia Định thành thông chí
 2. Phủ Biên tạp lục
 3. Địa chí Đồng Nai
 4. Biên Hoà – Đồng Nai xưa và nay
 5. Văn học dân gian, ca dao tục ngữ
 6. Đồng Nai – 30 năm chiến tranh giải phóng
 7. Lịch sử kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ
 8. Đồng Nai – những trận đánh tiêu biểu
 9. Lịch sử vùng đất Đồng Nai

HẾT